

Day & học

Số 3 - tháng 09 | 2018

NỀN TẢNG

KHEN TRẺ THẾ NÀO CHO ĐÚNG?

KIẾN THỨC NỀN VÀ VIỆC HỌC

PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP QUA TRẢI NGHIỆM CỦA KOLB

HỌC TẬP TÍCH HỢP: KHỞI ĐẦU THỜI KỲ MỚI

HỌC THỂ NÀO?

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC DẠY CÁCH TƯ DUY06

Trung Hà dịch

MỐI QUAN HỆ GIỮA HOẠT ĐỘNG THỂ CHẤT VÀ VIỆC
CẢI THIẾN CÁC HÀNH VI LỚP HỌC09

Hoàng Anh Đức dịch

ẢNH HƯỞNG CỦA KIẾN THỨC NỀN TẢNG
ĐẾN VIỆC HỌC14

Lê Thanh Hằng tổng hợp

NHỮNG Ý KIẾN TRÁI CHIỀU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC
TẬP QUA TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID KOLB17

Phan Thị Thanh Lương tổng hợp

DẠY THỂ NÀO?

RUBRIC ĐÁNH GIÁ LIỆU ĐÃ ĐẦY ĐỦ?20

Ứng Minh Tuấn

HỌC TẬP TÍCH HỢP: KHỞI ĐẦU THỜI KỲ MỚI VỚI
PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM ĐƯƠNG ĐẠI22

Nguyễn An Quyên dịch

KHEN TRỂ THỂ NÀO CHO ĐÚNG?..... 24

Trung Hà

CẢI TỔ GIÁO DỤC

CÓ CẦN CHUẨN BỊ THỂ HỆ TRẺ CHO

“NHỮNG CÔNG VIỆC TRONG TƯƠNG LAI”?28

Thành Nam dịch

GIỚI THIỆU SÁCH

LÃNH ĐẠO GIÁO DỤC

THEO PHONG CÁCH PHẦN LAN31

Diệu Nguyễn giới thiệu

TỪ THỰC ĐỊA

DỰ ÁN CÁNH DIỀU

TÂM LÝ HỌC TÍCH CỰC TẠI VIỆT NAM.....34

Nguyễn Phước Cát Phước

Nguyễn Minh Thành

NHÂN VẬT

NGUYỄN THỊ LIỄU

NHÀ GIÁO DỤC CỦA SỰ ĐỔI MỚI37

Phạm Phước Hiền

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“Cảm ơn những người hùng bản địa (local champions) như các bạn! Tôi nghĩ rằng một ấn phẩm với định hướng thực hành như Dạy & Học có thể đem lại ảnh hưởng lớn, không chỉ ở những lời khuyên thực tế dành cho giáo viên, mà còn giúp nâng cao vị thế nghề nghiệp và cách mà giáo viên suy nghĩ về bản thân và công việc của mình.”

- TS Daniel Gray Wilson,
Giám đốc Đề án Sổ không,
Trường Giáo dục Harvard

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Một năm học mới lại tới, không khí rộn ràng trải khắp mọi miền Tổ quốc. Như thường lệ, niềm hân hoan của buổi tựu trường vẫn lấp ló những mối lo lâu năm nhưng chẳng hề cũ kỹ. Bất kể đối với học sinh, nhà giáo hay phụ huynh, một sự chuẩn bị kỹ lưỡng luôn cần thiết để chúng ta bắt đầu những cuộc hành trình quen thuộc nhưng cũng rất mới mẻ.

Bạn là một giáo viên với hơn 20 năm kinh nghiệm, bạn có tự tin rằng mình đã có sự chuẩn bị tốt nhất cho cuộc hành trình của chính mình trong năm học mới? 20 năm kinh nghiệm kia thực sự là 20 năm kinh nghiệm, hay là 1 năm kinh nghiệm được diễn ra 20 lần? Các bài viết trong số này có lẽ sẽ giúp bạn được gỡ được phần nào sự lo âu ấy.

Trong số này, chúng ta hãy cùng nhau bàn về “Tầm quan trọng của việc dạy cách tư duy”, hiểu hơn về ảnh hưởng của “Kiến thức nền tảng tới việc học” và “Mối quan hệ giữa hoạt động thể chất với hành vi lớp học”. Sự hiện hữu cụ thể hơn về tầm quan trọng của kiến thức nền, tư duy và hoạt động thể chất cũng tiếp tục lấp ló trong các tranh luận về “Phương pháp học tập qua trải nghiệm của Kolb” và “Học tập tích hợp: Khởi đầu thời kỳ mới với phương pháp Sư phạm đương đại”.

Bên cạnh thảo luận về “những lời khen vô hại” trong số trước được tiếp nối qua bài “Khen trẻ thế nào cho đúng”, số này trân trọng giới thiệu dự án Cánh Diều, cùng chân dung cô giáo tài năng Nguyễn Thị Liễu.

Kính chúc quý vị có khoảng thời gian thú vị,

Thay mặt **Ban Biên tập Lộn xộn**,

Hoàng Anh Đức



TÂM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC DẠY CÁCH TƯ DUY



©netdna-ssl.com

Peter Ellerton¹ | Trung Hà dịch

Nghiên cứu gần đây² của một nhóm học giả Hoa Kỳ về việc dạy học sinh kỹ năng tư duy phản biện trong môn Khoa Học đã lại một lần nữa chỉ ra giá trị của việc đem tới cho các em những trải nghiệm thách thức hơn yêu cầu thuộc lòng hay nhớ bước làm bài cố định.

Có một sự thật đáng thất vọng nhưng lại khá phổ biến ngày nay là *học sinh không được dạy cách tư duy*. Tuy nhiên việc “dạy cách tư duy” lại thường không được định nghĩa rõ ràng.

Một cách hiểu đơn giản và mang tính giáo dục cao là: Giảng dạy tập trung vào kỹ năng tư duy, thông qua *truy vấn* (quá trình học sinh nghiên cứu và tìm kiếm tri thức dựa trên câu hỏi của bản thân, giải đáp và định hướng của giáo viên), và cho phép học sinh đánh giá hiệu quả tư duy của mình.

Vậy kỹ năng tư duy là gì?

Đầu tiên, hãy cùng hiểu rõ kỹ năng tư duy là gì. Kỹ năng tư duy (hay còn gọi là kỹ năng nhận thức) nhìn chung là những hành xử của chúng ta với tri thức. Phân tích, đánh giá, tổng hợp, suy luận, phỏng đoán, giải thích lý do, phân loại hay rất nhiều những hành động khác đều phản ánh hoạt động tư duy hay nhận thức ở một mức độ nhất định.

Ví dụ, kỹ năng phân tích là tìm ra những yếu tố cấu thành nên một thứ gì đó và đánh giá mối quan hệ của từng yếu tố riêng lẻ với nhau và với tổng thể. Đối tượng được phân tích có thể là một bức tranh, một văn bản, một tập dữ liệu hoặc một biểu đồ.

Kỹ năng phân tích được đánh giá cao và thiết yếu.

Phần lớn các giáo trình từ bậc tiểu học tới đại học đều tập trung vào nội dung kiến thức, rất ít đề cập tới các kỹ năng tư duy. Thông thường, nếu có thì chẳng có mấy phần hướng dẫn cách dạy những kỹ năng đó. Họ mong rằng học sinh sẽ “bỗng nhiên” có chúng, thay vì được dạy.

¹ Giảng viên Môn Tư Duy Phản Biện, The University of Queensland

² Nghiên cứu mang tên **Teaching Critical Thinking**: <http://www.pnas.org/content/early/2015/08/12/1505329112>

Một giáo trình “nặng” thường được hiểu đồng nghĩa với một lượng kiến thức khổng lồ và có thời lượng đủ lâu luyện tập các công thức, thuật toán, quy trình làm bài. Trong khi đó, các giáo trình với trọng tâm đào tạo kỹ năng lại không phổ biến, mặc dù chúng đem lại giá trị cao hơn.

Nói vậy không có nghĩa nội dung kiến thức trong giáo trình không quan trọng. Loài người đã phải trải qua bao biến cố mới thu thập được lượng kiến thức ngày nay; chúng ta nên trân trọng những gì chúng ta học được vì chúng làm cuộc sống của chúng ta ý nghĩa hơn và năng suất hơn.

Nhưng chúng ta hoàn toàn có thể phát triển các kỹ năng tư duy bậc cao trong khi giảng dạy kiến thức. Giáo viên chỉ cần yêu cầu học sinh chú ý nhiều hơn tới những kỹ năng ấy, và dùng kiến thức làm đòn bẩy phát triển kỹ năng.

Một giáo viên xuất sắc là người đem tới cho học sinh cơ hội để xây dựng các kỹ năng phù hợp với từng hoàn cảnh.

Sau cùng, chúng ta hiển nhiên không kỳ vọng người đi đầu trong các lĩnh vực khoa học, văn hóa và chính trị trong tương lai lại chỉ là những tay mơ sách. Họ còn cần phải biết sẽ làm gì với những kiến thức đó nữa.

Tại sao **truy vấn** là điều cần thiết?

Học sinh không thể nào thành thạo những kỹ năng này nghe giảng. Các em cần được trao cơ hội để thực hành. Việc học các kỹ năng tư duy không chỉ dừng lại ở định nghĩa chúng **Là gì** mà còn tiến tới hiểu áp dụng chúng **Như thế** nào.

Đó là lý do tại sao phương pháp giảng dạy thông thường không thể khiến các em suy nghĩ một cách hiệu quả, bởi vì theo phương pháp đó, học sinh hoàn toàn thụ động đón nhận kiến thức. Không thể học lướt sóng mà không có ván.

Tương tự thế, chúng ta cũng không thể thành thạo các kỹ năng tư duy nếu không trải nghiệm những tình huống cần sử dụng chúng.

Học tập qua quá trình truy vấn (đặt và trả lời câu hỏi), sẽ đem tới cho học sinh những cơ hội trải nghiệm cần thiết như thế.

Truy vấn trong giáo dục được hiểu theo nhiều cách khác nhau, và thường tiếp cận theo phạm vi rộng đặc trưng bởi phương pháp học tập có sự tham gia chủ động của học sinh.

Theo nghĩa hẹp, **truy vấn** là một quá trình đòi hỏi học sinh phải tận dụng nhiều kỹ năng tư duy đa dạng để phân tích và giải quyết vấn đề.

Ví dụ, một bài tập đòi hỏi không nhiều kỹ năng tư duy là khi giáo viên yêu cầu học sinh làm theo các bước cho trước để tạo ra một tác phẩm nghệ thuật hoặc sử dụng một thiết bị thí nghiệm nào đó. Những kỹ năng tư duy trong kiểu bài tập như vậy chỉ đơn giản là rèn khả năng ghi nhớ và áp dụng kiến thức ở cấp độ cơ bản.

Nếu như cũng trong trường hợp trên, học sinh được yêu cầu , điều chỉnh các thông tin có sẵn sao cho phù hợp với văn cảnh hay mục đích cụ thể khác, và giải thích lý do, thì lúc này, các kỹ năng tư duy bậc cao như phỏng đoán, phân tích, đánh giá, biện chứng và giao tiếp mới được kích hoạt.

Ví dụ thứ hai sau đây sẽ phản ánh đầy đủ hơn về **phương pháp học tập truy vấn** khi bài tập yêu cầu học sinh phải vận dụng những kỹ năng tư duy triệt để và bao quát hơn.

Tôi cũng xin bổ sung thêm rằng: thành quả cuối cùng của một bộ óc tư duy tốt là học sinh có thể nhận thức được cả quá trình tư duy mà chúng đã và đang trải qua. Tức là, chúng phải nhận thức những gì chúng đang nghĩ – đồng nghĩa với khả năng siêu nhận thức.

Bàn luận về tư duy

Để tư duy về cách chúng ta tư duy, chúng ta cần bàn luận về cách chúng ta tư duy trước.

kỹ năng tư duy phản ánh các quá trình chúng ta suy nghĩ, từ đó cung cấp cho chúng ta một thứ “ngôn ngữ” mà chúng ta có thể sử dụng khi bàn về những suy nghĩ ấy, ít nhất là khi nói về việc học cách suy nghĩ hiệu quả. Nó cũng cung cấp thứ ngôn ngữ mà chúng ta có thể dùng để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

Lại lấy ví dụ về hành động phân tích. Chúng ta có thể nhận xét: “Phân tích này khá rộng, nhưng chưa đủ chiều sâu”, hoặc “Phân tích này đã đào sâu khai thác ở một số vấn đề, nhưng lại không chạm tới hết tất cả các yếu tố khác”.

Từ những phản hồi hay lời khuyên như vậy học sinh đối chiếu lại nhằm phát triển các hệ thống

đánh giá độc lập của riêng các em. Siêu nhận thức (Metacognition, tư duy về cách chúng ta tư duy) vì thế là điều kiện cần để học sinh có thể trau dồi tư duy.

Chuyển trọng tâm giáo dục từ nội dung kiến thức sang truy vấn sẽ giúp phát triển hiệu quả năng lực tư duy. Phương pháp truy vấn giúp học sinh mở mang các năng lực tư duy, từ học thuộc lòng hay áp dụng công thức tới tư duy phản biện xuất sắc.

Không có trường học nào có thể dạy học sinh tất cả kiến thức cần thiết trong một xã hội không ngừng biến đổi. Nhưng chúng ta có thể dạy các em cách tư duy để làm chủ kiến thức trong tương lai. Đó chính là “học tập suốt đời”.



Mối quan hệ giữa hoạt động thể chất và việc cải thiện các hành vi lớp học

Eric Jensen | Hoàng Anh Đức dịch

Dấu hiệu nhận thức

Hệ tiền đình (vestibular) bên trong tai và hệ thống tiểu não (hoạt động của các cơ) là hệ thống giác quan trưởng thành đầu tiên. Trong hệ thống này, các kinh bán nguyệt (semicircular canals) bên trong tai và hệ thống tiền đình hạt nhân là nguồn thu thập và phản hồi các thông tin cho các hoạt động. Xung thần kinh đi qua các vùng của não, bao gồm hệ thống thị giác và cảm giác xúc giác (sensory cortex). Hệ tiền đình hạt nhân được điều khiển bởi tiểu não và cũng kích hoạt hệ thống mạng lưới gần phần phía trên tuyến chính của não. Sự tương tác này giúp chúng ta giữ thăng bằng, biến suy nghĩ thành hành động và phối hợp chuyển động. Đó là lí do tại sao giá trị trong những hoạt động ngoài sân chơi là kích thích những chuyển động của hệ thống bên trong tai thông qua những hoạt động như đánh đu, lăn, nhảy. Một thói quen hoàn chỉnh có thể bao gồm: quay tròn (spinning), bò (crawling), lăn (rolling), đu đưa (rocking), nhào lộn (tumbling) và chỉ trỏ (pointing).

Dấu hiệu chức năng

Gần đây, cơ sở dữ liệu MEDLINE đã cho thấy có hơn 33,000 bài báo khoa học liên quan đến chủ đề tập thể dục, và phần lớn trong số các bài báo đều khẳng định giá trị của hoạt động này. Một nghiên cứu cho thấy rằng những người tập thể dục có khối lượng vỏ não lớn hơn nhiều so với những người không thực hiện hoạt động này (Anderson, Eckburg, & Relucio, 2002)¹. Hoạt động sinh học đơn giản cung cấp một liên kết rõ ràng giữa hoạt động và rèn luyện kĩ năng. Oxygen là một yếu tố thiết yếu trong hoạt động chức năng của não, và tăng lưu lượng lưu thông oxy cho não. Hoạt động vật lí là một cách thức đáng tin cậy để tăng lưu lượng máu, do vậy, oxy lên đến não.

Trong thí nghiệm của William Greenough tại trường đại học Illinois, những con chuột được tập luyện trong những môi trường phong phú có một số lượng lớn kết nối các neuron thần kinh

¹ Anderson, B. J., Eckburg, P. B., & Relucio, K. I. (2002). Alterations in the thickness of motor cortical subregions after motor-skill learning and exercise. *Learning & memory*, 9(1), 1-9.

hơn những con khác. Chúng cũng có nhiều mao mạch xung quanh tế bào thần kinh của não hơn những con ít vận động (Greenough & Anderson, 1991)². Một nghiên cứu khác cũng cho thấy rằng việc đi bộ nhanh có thể dẫn đến việc gia tăng nhịp tim, hoạt động điện não đồ và kích thích hóa chất não nhiều hơn (Martin, et al., 1992)³. Việc đứng (standing) có thể tăng nhịp tim, (do đó, máu lưu thông) khoảng 5-8% chỉ trong vài giây (Krock & Hartung, 1992)⁴. Cuối cùng, một nghiên cứu có kết luận chắc chắn: bằng chứng từ các thí nghiệm trên động vật cho thấy tập thể dục tự nguyện ảnh hưởng đến những gen cải thiện việc học tập và trí nhớ (Tong, et al., 2001)⁵. Sự cải thiện này gia tăng ảnh hưởng của gen qua nhiều yếu tố hỗ trợ quá trình mã hóa và chuyển đổi dữ liệu, cấu trúc các khớp thần kinh, và độ dẻo của các tế bào thần kinh, tạo điều kiện cho quá trình học tập.

Các ứng dụng trường học

Thực tế đáng kinh ngạc, rằng hơn 68% học sinh trung học ở Hoa Kỳ không tham gia vào một chương trình giáo dục thể chất nào hàng ngày (Grunbaum et al., 2009)⁶. Tại sao chúng ta nên quan tâm tới vấn đề này như vậy? Bởi vì trong cùng cách thức mà việc tập thể dục định hình những bó cơ, tim, phổi, và xương, nó cũng tăng cường hạch nền (basal ganglia), tiểu não và thể

chai (vùng liên kết hai bán cầu não phải và trái) (corpus callosum) – tất cả đều là những vùng quan trọng của não. Chúng ta biết rằng việc tập thể dục cung cấp oxy cho não, đồng thời cũng cung cấp cho cả tiểu não để tăng lượng kết nối giữa các tế bào thần kinh. Điều đáng ngạc nhiên nhất chính là việc tập thể dục được coi là cách thức để tăng sự phát triển của những tế bào thần kinh mới (Van Praag et al., 1999)⁷. Ngoài ra, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc tạo mới và phát triển các tế bào thần kinh (neurogenesis) sẽ dẫn đến việc tăng trưởng của quá trình nhận thức, trí nhớ tốt hơn và giảm khả năng bị trầm cảm (Kempermann, 2002)⁸.

Hỗ trợ cho giờ ra chơi, và giáo dục thể chất

Nhà nghiên cứu Terrence Dwyer là một trong số rất nhiều người đã tiến hành những nghiên cứu cho thấy rằng tập thể dục hỗ trợ hiệu quả việc học tập. Nghiên cứu của ông đã chỉ ra rằng, việc tập thể dục giúp ích cho việc cải thiện hành vi trong lớp học và kết quả học tập (Dwyer, et al., 2003)⁹ và rằng ngay cả khi nhóm thí nghiệm tập luyện nhiều hơn gấp bốn lần mỗi tuần so với những nhóm khác (375 phút so với 90 phút) thì những “mất mát” về mặt thời gian của họ không biến thành những điểm số học tập thấp hơn (Dwyer, Blizzard, & Dean, 1996)¹⁰. Nghiên cứu của ông tiết lộ thêm rằng, các kỹ năng xã hội được cải thiện trong các nhóm tập thể dục nhiều hơn. Một nghiên cứu khác (Donovan & Andrew, 1986)¹¹ đã chỉ ra rằng, những sinh viên tham gia

2 Greenough, W. T., & Anderson, B. J. (1991). Cerebellar synaptic plasticity relation to learning versus neural activity. *Annals of the New York Academy of Sciences*, 627(1), 231-247.

3 Martin, S. J., Kelly, I. W., & Saklofske, D. H. (1992). Suicide and lunar cycles: a critical review over 28 years. *Psychological reports*, 71(3), 787-795.

4 Krock, L. P., & Hartung, G. H. (1992). Influence of post-exercise activity on plasma catecholamines, blood pressure and heart rate in normal subjects. *Clinical Autonomic Research*, 2(2), 89-97.

5 Tong, L., Shen, H., Perreau, V. M., Balazs, R., & Cotman, C. W. (2001). Effects of exercise on gene-expression profile in the rat hippocampus. *Neurobiology of disease*, 8(6), 1046-1056.

6 Franzini, L., Elliott, M. N., Cuccaro, P., Schuster, M., Gilliland, M. J., Grunbaum, J. A., ... & Tortolero, S. R. (2009). Influences of physical and social neighborhood environments on children's physical activity and obesity. *American journal of public health*, 99(2), 271-278.

7 Van Praag, H., Kempermann, G., & Gage, F. H. (1999). Running increases cell proliferation and neurogenesis in the adult mouse dentate gyrus. *Nature neuroscience*, 2(3), 266.

8 Kempermann, G., Gast, D., & Gage, F. H. (2002). Neuroplasticity in old age: sustained fivefold induction of hippocampal neurogenesis by long-term environmental enrichment. *Annals of neurology*, 52(2), 135-143.

9 Scheuer, L. J., & Mitchell, D. (2003). Does physical activity influence academic performance. *The New PE and Sport Dimension*, 12.

10 Dwyer, T., Blizzard, L., & Dean, K. (1996). Physical activity and performance in children. *Nutrition reviews*, 54(4), S27-S31.

11 Donovan, A., Oddy, M., Pardeo, R., & Ades, A.

vào chương trình giáo dục thể chất hàng ngày không chỉ có sự phát triển khỏe mạnh về các cơ, mà còn có thành tích học tập tốt hơn và một thái độ học tập tốt hơn những sinh viên không tham gia hàng ngày.

Việc chơi (play) của con người đã được nghiên cứu khá nghiêm ngặt. Một số nghiên cứu cho thấy rằng, sinh viên sẽ đẩy mạnh được quá trình học những kiến thức mang tính học thuật thông qua các trò chơi, còn gọi là những hoạt động chơi (Silverman, et al., 1995)¹². Nhiều nhà nghiên cứu nhận thức, ban đầu bỏ qua việc chơi, đưa ra giả thuyết rằng nó không có ý nghĩa gì với sự phát triển trí tuệ. Đó là quan niệm sai lầm chết người. Nhiều hoạt động định hướng việc chơi có khả năng cải thiện nhận thức bao gồm:

- Tập thể dục (thói quen thể dục nhịp điệu, chạy, đuổi theo, nhảy).
- Trò chơi đồng đội (bóng đá, bóng đá, đấu vật).
- Chơi 1 mình (làm câu đố, thao tác với đồ vật).
- Các hoạt động học tập ngoài trời (đào, quan sát côn trùng).
- Những trò chơi mang tính cạnh tranh (cổ vũ).
- Trò chơi xây dựng (xây dựng với các khối, xây dựng mô hình).
- Trò chơi khám phá (trốn tìm).
- Trò chơi chức năng (chơi có mục đích, chẳng hạn như thực hành một kỹ năng mới).
- Trò chơi cạnh tranh cá nhân (bắn bi, điền kinh, nhảy lò cò).
- Các hoạt động nhóm không mang tính cạnh tranh (múa, đóng kịch).
- Đi bộ (ngoài trời, trong nhà).

(1986). Employment status and psychological well-being: a longitudinal study of 16-year-old school leavers. *Journal of Child Psychology and Psychiatry*, 27(1), 65-76.

12 Ginsburg, G. S., Silverman, W. K., & Kurtines, W. K. (1995). Family involvement in treating children with phobic and anxiety disorders: A look ahead. *Clinical Psychology Review*, 15(5), 457-473.

Chơi, giờ ra chơi, và giáo dục thể chất là yếu tố cần thiết cho sự phát triển của não. Dưới đây là một số lợi ích của việc tập thể dục:

- Khiến người học mắc sai lầm mà không gây “chết người” (lethal) (ít bối rối hơn, và vui vẻ hơn một lớp học truyền thống)
- Tăng cường quá trình học tập (Fordyce & Wehner, 1993)¹³.
- Cải thiện khả năng xử lý stress bằng cách “đào tạo” cơ thể khả năng phục hồi nhanh hơn từ việc tăng hoóc môn adrenaline¹⁴ kết hợp với yêu cầu hoạt động thể chất ... và môi trường lớp học.
- Kích thích sự giải phóng của BDNF, nhân tố lấy dinh dưỡng cho thành phần tiểu não (Kesslak, et al., 1998)¹⁵. Chất tự nhiên này giúp tăng cường nhận thức bằng cách tăng cường khả năng của các neuron thần kinh tương tác với các tế bào khác
- Nâng cao các kỹ năng xã hội, trí thông minh cảm xúc và khả năng giải quyết xung đột.
- Làm tăng catecholamine (hóa chất trong não như norepinephrine và dopamine), thường phục vụ để tăng năng lượng và khiến tâm trạng phấn khích (Chaouloff, 1989)¹⁶.

Mặc dù nhiều nhà giáo dục biết về mối liên hệ

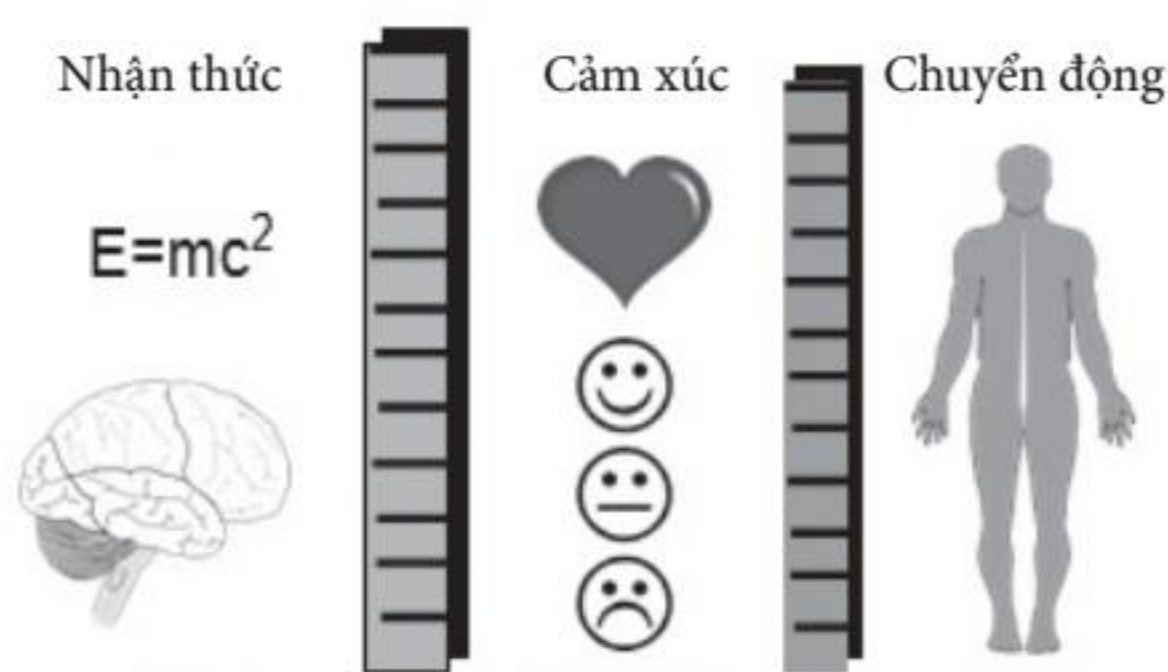
13 Fordyce, D. E., & Wehner, J. M. (1993). Physical activity enhances spatial learning performance with an associated alteration in hippocampal protein kinase C activity in C57BL/6 and DBA/2 mice. *Brain research*, 619(1-2), 111-119.

14 Hoóc môn tiết ra từ thượng thận làm tăng huyết áp, tim đập nhanh và hoạt động như một nhân tố truyền tín hiệu thần kinh khi cơ thể bị căng thẳng hay gặp nguy hiểm

15 Kesslak, J. P., So, V., Choi, J., Cotman, C. W., & Gomez-Pinilla, F. (1998). Learning upregulates brain-derived neurotrophic factor messenger ribonucleic acid: a mechanism to facilitate encoding and circuit maintenance?. *Behavioral neuroscience*, 112(4), 1012.

16 Chaouloff, F. (1989). Physical exercise and brain monoamines: a review. *Acta Physiologica Scandinavica*, 137(1), 1-13.

giữa việc học tập và vận động, nhưng hầu như đều bỏ các hoạt động khi trẻ chưa vượt quá lớp 1 hoặc lớp 2. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa vận động và quá trình học tập là rất mạnh mẽ, có khả năng lan tỏa trong cuộc sống – và xúc cảm được hòa trộn là điều tốt. Các nhà giáo dục thường phân cách sự vận động, xúc cảm và tư duy thành các phần riêng biệt. Sinh viên có thể cảm thấy khó xử nếu họ muốn thể hiện xúc cảm hoặc di chuyển trong khi giáo viên muốn họ tĩnh lặng và suy nghĩ. Giáo viên cần nhận ra rằng, những gì người học đang cảm giác chỉ đơn giản là sự tích hợp lành mạnh của trí óc và cơ thể.



Mô hình cũ, theo hướng phân tách



Mô hình mới, theo hướng tích hợp

Cách lí giải cũ và mới về mối quan hệ giữa trí óc và cơ thể

Gợi ý thực tiễn

Một trong số những điều thông minh nhất giáo viên có thể làm là làm những điều đơn giản nhất. Khi chúng ta giữ lại những sinh viên tích cực, chúng ta giữ cho năng lượng của họ lên mức cao hơn và cung cấp cho não của họ lượng máu giàu oxy cần thiết cho hiệu suất hoạt động cao nhất. Những giáo viên khẳng định rằng sinh viên nên ngồi yên trong toàn thời gian ở lớp học không phải là tối ưu quá trình học tập. Những nhà giáo dục có mục đích nên tích hợp các hoạt động vận động trong việc học hàng ngày: không chỉ là qua các hoạt động lớp học, mà còn trong chuỗi hoạt động hàng ngày, đi bộ, nhảy, đóng kịch, đổi ghế, và giáo dục thể chất. Trong thực tế, Larry Abraham tại Khoa Khoa học vận động (Department of Kinesiology) tại Đại học Texas-Austin nói rằng, “Lớp học của các giáo viên nên có vài đứa trẻ di chuyển”.

Các nhà giáo dục nên gắn kết toán học, địa lí, kĩ năng xã hội, đóng vai, khoa học và giáo dục thể chất với nhau. Đừng chờ đợi sự kiện đặc biệt. Dưới đây là một vài ví dụ về sử dụng chiến lược:

Thiết lập mục tiêu vận động. Hãy bắt đầu lớp học với một hoạt động mà tất cả thành viên có thể ghép cặp. Sinh viên có thể diễn tả mục tiêu của mình bằng điệu bộ hoặc chơi trò chơi đố chữ với bạn, hoặc các cặp có thể đi tự do trong một khoảng thời gian ngắn để thiết lập mục tiêu. Yêu cầu sinh viên trả lời 3 câu hỏi trọng tâm như sau:

- Mục tiêu của tôi cho ngày hôm nay và trong năm nay là gì?
- Tôi cần phải làm gì hôm nay và tuần này tại lớp học này để đạt được mục tiêu của mình?
- Tại sao là quan trọng đối với tôi để đạt được mục tiêu ngày hôm nay?

Bạn có thể sáng tạo ra các câu hỏi khác hoặc yêu cầu học sinh tạo ra một số câu hỏi của riêng họ.

Diễn kịch và đóng vai. Hãy để lớp học của bạn quen với việc hàng ngày hoặc ít nhất hàng tuần chơi trò đóng vai. Cho phép sinh viên chơi trò đồ chữ để xem lại các ý tưởng chính. Sinh viên có thể làm một vở kịch câm để trình bày một điểm quan trọng.

Hoạt động mạnh (Energizers) Hoạt động mạnh có thể (1) làm tăng huyết áp và mức epinephrine của những người học buồn ngủ, (2) giảm cảm giác bồn chồn trong người học đứng ngồi không yên, và (3) củng cố nội dung. Sử dụng cơ thể để đo lường những thứ xung quanh căn phòng và báo cáo kết quả. Ví dụ, “Chiếc tủ này dài 99 đốt ngón tay.” Chơi một trò chơi Simon Says được xây dựng với nội dung: “Simon nói điểm phía nam. Simon nói chỉ năm nguồn thông tin khác nhau trong căn phòng này. “...

Trò chơi nhanh (Quick games). Sử dụng trò chơi để xem lại, xây dựng vốn từ vựng, kể chuyện, hay tự tiết lộ. Yêu cầu học sinh viết lại lời bài hát cho ca khúc quen thuộc theo cặp hoặc theo nhóm. Các từ mới trong bài hát có thể cung cấp một nội dung đánh giá mới. Sau đó có các sinh viên thực hiện bài hát với vũ đạo. Chơi một trò chơi mà trong đó tất cả mọi người lựa chọn một đối tác và một chủ đề từ một danh sách các chủ đề mà mọi học sinh đều được học. Mỗi người đưa ra ý kiến về chủ đề của mình. Mục đích là để mỗi học sinh để thuyết phục một đối tác trong 30 giây về việc tại sao chủ đề của mình là quan trọng hơn.

Trải dài (Stretching). Hãy để mở lớp học, hoặc bất cứ khi nào bạn và sinh viên của bạn cần nhiều oxy hơn, hãy để mọi người làm một điều gì đó kéo dài. Yêu cầu những sinh viên dẫn đầu của tất cả các nhóm hãy làm những hoạt động trải dài theo cách riêng của họ. Cho phép sinh viên làm những công việc nhỏ trong lớp học trong một khoảng thời gian đặc biệt. Cung cấp cho sinh viên những việc vặt vặt để làm, cho một

sợi dây nhảy có sẵn, hoặc đơn giản chỉ cho họ đi bộ xung quanh phía sau lớp học, miễn là họ không làm phiền các sinh viên khác.

Giáo dục thể chất và giờ nghỉ giải lao. Chúng ta có thể nhìn thấy minh chứng rõ ràng rằng những hoạt động giáo dục thể chất và trong giờ giải lao khiến trường học trở nên thú vị với nhiều sinh viên, và có thể giúp tăng cường hiệu suất học tập. 30 phút mỗi ngày, 3 đến 5 ngày một tuần sẽ làm cho công việc trở nên thuận lợi hơn (Tomprowski, 2003).

Giáo viên cũng nên đảm bảo rằng giờ giải lao bao gồm một số hoạt động – không đứng xung quanh trong lúc giải lao! Giải lao có thể bao gồm đi bộ nhanh, hoặc chơi những trò chơi đòi hỏi năng lượng cao (McNaughten & Gabbard, 1993). Việc giải lao phải kéo dài 30 hoặc 40 phút để tối đa hóa hiệu quả quá trình nhận thức (Gabbard & Shea, 1979). Giải lao vào buổi trưa và đầu giờ chiều mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên hơn giờ giải lao vào sáng sớm (McNaughten & Gabbard, 1993).

Minh chứng từ dữ liệu hình ảnh, giải phẫu, các dữ liệu lâm sàng cho thấy rằng việc tập thể dục không chỉ nâng cao nhận thức mà còn làm tăng số lượng các tế bào não. Nó có thể làm giảm khả năng béo phì ở trẻ em, hỗ trợ quá trình học tập. Chính vì vậy, chúng ta cần phân bổ những nguồn lực tốt để khai thác sức mạnh tiềm ẩn của các hoạt động vận động, hoạt động thể thao, đặc biệt khi vấn đề này ngày càng được nghiên cứu phổ biến ở những nhà khoa học nghiên cứu về não.



ẢNH HƯỞNG CỦA KIẾN THỨC NỀN TẢNG ĐẾN VIỆC

Lê Thanh Hằng tổng hợp¹

Khi dạy, giáo viên thường cố gắng giúp học sinh hiểu nội dung bài học tốt hơn bằng cách kết nối chúng với kiến thức và kinh nghiệm trước đó của học sinh, từ bài học trước đó, từ môn học trước đó hoặc từ cuộc sống hàng ngày. Nhưng thỉnh thoảng, giáo viên đánh giá quá cao kiến thức nền tảng của học sinh, và vì vậy, đã xây dựng kiến thức mới trên một nền móng lỏng lẻo. Hoặc học sinh đang có kiến thức nền tảng không thích hợp với nội dung bài học và làm méo mó sự hiểu biết của chính học sinh đó. Tương tự, giáo viên có thể phát hiện ra các hiểu lầm và thiếu chính xác trong kiến thức nền tảng của học sinh, đang liên kết chặt chẽ với năng lực học kiến thức mới của họ. Mặc dù giáo viên có thể và nên xây dựng kiến thức nền tảng cho học sinh, nhưng quan trọng không kém là nhận ra không phải tất cả kiến thức nền tảng cung cấp một nền tảng vững chắc để học cái mới.

Nguyên tắc: Kiến thức nền tảng của học sinh có thể giúp hoặc cản trở việc học

Học sinh không đến lớp với một cái đầu rỗng, mà trong đầu họ là kiến thức thu được thì các môn học khác hoặc thông qua cuộc sống hàng ngày. Kiến thức này bao gồm các sự kiện, khái niệm, mô hình, nhận thức, niềm tin, giá trị và thái độ, một số trong đó không chính xác, không đầy đủ đối với các yêu cầu đầu vào của môn học, hoặc đơn giản, không thích hợp với ngữ cảnh. Khi học

¹ Tổng hợp từ cuốn How learning works



TẢNG
HỌC

© wp.com

sinh mang kiến thức này vào lớp học, chúng ảnh hưởng đến cách học sinh tiếp nhận và giải nghĩa kiến thức mới.

Lý tưởng nhất là học sinh xây dựng trên một kiến thức nền tảng vững chắc và có uy tín trước, tạo ra các liên kết giữa kiến thức đã có và kiến thức mới giúp họ xây dựng cấu trúc kiến thức ngày càng mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, học sinh có thể không tạo ra kết nối với kiến thức trước đó một cách tự phát. Nếu họ không dựa vào tri thức có liên quan trước đó - hay, nói cách khác, nếu tri thức đó không hoạt động - nó có thể không tạo điều kiện cho việc hội nhập tri thức mới. Hơn nữa, nếu kiến thức trước đây của học sinh không đủ cho một nhiệm vụ hoặc tình huống học tập, nó có thể không hỗ trợ kiến thức mới, trong khi nếu nó không phù hợp với ngữ cảnh hoặc không chính xác, nó có thể làm méo mó hoặc cản trở việc học mới.

Hiểu được những gì học sinh biết - hoặc nghĩ rằng họ biết - khi đến lớp có thể giúp giáo viên thiết kế giảng dạy thích hợp hơn. Điều này không chỉ giúp tận dụng kiến thức chính xác hiệu quả hơn để thúc đẩy học tập, mà còn để xác định và lấp đầy những khoảng trống, nhận ra khi học sinh đang áp dụng những gì họ biết một cách không thích hợp và tiến hành sửa những hiểu lầm về kiến thức.

Học sinh kết nối những gì họ học với những gì họ đã biết, giải thích thông tin đến, và thậm chí nhận thức giác quan, thông qua thấu kính kiến thức, niềm tin và giả định hiện có của họ (Vygotsky, 1978; National Research Council, 2000). Trên thực tế, có sự đồng thuận rộng rãi giữa các nhà nghiên cứu, học sinh phải kết nối kiến thức mới với kiến thức trước đây để học (Bransford & Johnson, 1972; Resnick, 1983). Tuy nhiên, mức độ mà học sinh có thể rút ra kiến thức trước để xây dựng kiến thức mới một cách hiệu quả phụ thuộc vào bản chất kiến thức trước đây của họ, cũng như khả năng khai thác nó của giáo viên.

Kích hoạt kiến thức nền tảng

Học sinh học dễ dàng hơn khi họ có thể kết nối những gì họ đang học với những gì họ đã biết. Tuy nhiên, giáo viên không nên giả định rằng học sinh sẽ ngay lập tức hoặc tự động nhận thấy sự liên quan tới kiến thức nền tảng họ đã có. Thay vào đó, giáo viên nên cố ý kích hoạt kiến thức nền tảng của học sinh để giúp họ giả lập các liên kết mạnh mẽ với kiến thức mới.

Kiến thức nền tảng chính xác nhưng không đủ

Bởi vì *biết cái gì* là một loại kiến thức rất khác với *biết làm thế nào* hoặc *biết khi nào*, điều đặc biệt quan trọng là, như những người chỉ dẫn, giáo viên cần làm rõ các yêu cầu kiến thức của các nhiệm vụ khác nhau và không cho rằng vì học sinh của chúng ta có kiến thức này thì họ cũng có kiến thức khác. Thay vào đó, điều quan

trọng là đánh giá cả số lượng và bản chất kiến thức nền tảng của học sinh để có thể thiết kế bài giảng một cách thích hợp.

Kiến thức nền tảng không thích hợp

Khi học kiến thức mới, học sinh có thể rút ra kiến thức (từ ngữ cảnh hàng ngày, từ sự tương đồng, từ ngữ cảnh khác nhau, và từ văn hóa hoặc ngôn ngữ riêng của họ) không phù hợp với bối cảnh, bóp méo hoặc cản trở việc học kiến thức mới. Để giúp học sinh tìm hiểu kiến thức nền tảng là gì và nó không áp dụng được, điều quan trọng đối với giáo viên là (a) giải thích rõ ràng các điều kiện và văn bản áp dụng, (b) không chỉ dạy các nguyên tắc trừu tượng mà còn cung cấp nhiều ví dụ và ngữ cảnh, (c) chỉ ra sự khác biệt, cũng như điểm tương đồng, khi sử dụng phép loại suy, và (d) cố tình kích hoạt các kiến thức nền tảng có liên quan chính xác.

Kiến thức nền tảng không chính xác

Điều quan trọng là giáo viên phải giải quyết những kiến thức nền tảng không chính xác có thể bóp méo hoặc cản trở việc học. Trong một số trường hợp, các điểm không chính xác có thể được chứng minh đơn giản bằng cách cho học sinh biết thông tin và bằng chứng chính xác, xung đột với niềm tin và mô hình không chính xác. Tuy nhiên, điều quan trọng đối với giáo viên để nhận ra rằng một sự điều chỉnh hoặc sự bác bỏ đơn lẻ là không đủ để giúp học sinh sửa đổi quan niệm sai lầm sâu sắc. Thay vào đó, hướng dẫn học sinh trải qua một quá trình thay đổi khái niệm sẽ mất thời gian, kiên nhẫn và sáng tạo.



NHỮNG Ý KIẾN TRÁI CHIỀU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP QUA TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID KOLB

Phan Thị Thanh Lương *tổng hợp*
Nguồn: Alexandra Aviv

Quan điểm từ giáo dục phi chính quy

Trong cuốn sách của Jarvis (2011) về Học tập người lớn trong bối cảnh xã hội, ông đã nhận xét rằng chu trình học tập của Kolb quá đơn giản và giản lược, cần phải đào sâu hơn các giai đoạn của chu trình để hiểu được rõ ý nghĩa của các giai đoạn đó. Các giai đoạn trong chu trình thực tế cũng không xuất hiện một cách lần lượt như trong chu trình của Kolb mà có thể nhảy cóc từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Ông có đưa ví dụ về một người đọc toán phức tạp sẽ liên quan đến giai đoạn khái niệm trừu tượng rồi mới đến hình thành kinh nghiệm rời rạc.

Từ lĩnh vực giáo dục người lớn và giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai

Rogers (1996) cho rằng, học tập bao gồm mục tiêu, dự định, lựa chọn và quyết định, những điều này không hoàn toàn phù hợp với chu trình học tập của Kolb. Có ít nhất là ba loại học tập khác nhau và với mỗi loại học tập, mỗi chúng ta lại có một phong cách học riêng.

Để đánh giá mình Kolb cũng chỉ ra giới hạn lớn nhất, kết quả dựa chủ yếu vào cách học do người học tự đánh giá, không đánh giá phong cách học tập thông qua tiêu chuẩn hay hành vi, như một số nhà bình luận đã làm, và nó chỉ có giá trị trong phạm vi cá nhân của người học không phải trong mối quan hệ với người khác.

Tuy nhiên, chúng ta không nên đánh giá thấp đóng góp của Kolb. Dù có hạn chế, xong mô hình học tập trải nghiệm, xét trên khía cạnh khoa học, đã thay đổi tư duy giáo dục từ chỗ đặt giảng

viên vào vị trí trung tâm sang lấy sinh viên làm trung tâm. Nhiều nhà khoa học đã nhận định, học tập trải nghiệm là một chủ đề sống động đáng để tranh luận.

Từ quan điểm của học tập suốt đời

Miettinen, R. (2000) đã có những nhận xét khá thẳng thắn về quan điểm học tập suốt đời, tuy nhiên có thể có những tranh cãi về các ý kiến của ông: “Học tập trải nghiệm có thể dẫn đến kết luận sai lầm trong quá trình học tập; phương pháp này có thể không giúp chúng ta hiểu và giải thích sự thay đổi và kinh nghiệm mới; và phương pháp này có thể gây nên tư duy lười biếng và giáo điều trong quá trình triển khai”.

Quan điểm quản lý giáo dục

Vince (1998) có đưa ra 5 nhận định về phê phán chu trình học tập của Kolb:

- Kinh nghiệm cần được nhìn nhận như một quá trình kiến tạo, hình thành khuôn mẫu và bao gồm cả các mối quan hệ quyền lực trong xã hội.
- Mỗi quan hệ phức hợp và độc đáo xung quanh kiến thức được kiến tạo giữa con người như một phản tương tác của quá trình học tập.
- Cần được chú trọng vào kinh nghiệm ở đây-lúc này (here-now) và quá trình soi chiếu giữa con người trong môi trường giáo dục và các tổ chức mà con người đó đại diện.
- Tìm kiếm phương thức làm việc với những quá trình không ý thức và ưu tiên, cụ thể là cần phải có cơ chế bảo vệ.
- Nên có siêu quá trình hoặc trình tự thứ hai liên quan đến mỗi cấu phần của chu trình học tập qua trải nghiệm.

Kelly (1997) trong bài viết Học tập qua khám phá có phân tích đã đưa ra nhận định của Kolb về hạn chế của Phương pháp học tập qua trải nghiệm: *“kết quả học tập chỉ tập trung vào cá nhân tự đánh giá. Không dùng tiêu chuẩn hay hành vi để đánh giá một phong cách học tập được yêu thích. Học tập qua trải nghiệm chỉ*

đánh giá sự phát triển điểm mạnh trong từng cá nhân con người chứ không phải trong mối quan hệ với người khác.”

Theo trang web Hướng dẫn dạy và học trong y học (Handbooks of teaching and learning in Medicine), phương pháp học tập qua trải nghiệm của Kolb không thể áp dụng đại trà cho mọi bối cảnh. Phương pháp này hạn chế các tác nhân đối với quá trình học tập. Phương pháp này không giải thích về sự tác động của các yếu tố hoạt động tâm lý học, xã hội và trường học đến quá trình học tập. Ngoài ra cần phải lưu ý đến sự khác biệt về phong cách học của mỗi người, và sự khác biệt của từng người trong những hoàn cảnh khác nhau.

Kết luận

Nhiều người ủng hộ tuyệt đối phương pháp học tập qua trải nghiệm và áp dụng một cách triệt để, tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy có những ý kiến trái chiều về phương pháp này. Vì vậy, khi áp dụng vào từng môn học, từng lớp học và từng đối tượng học sinh cần có sự cân nhắc. Chính tác giả của Phương pháp học tập qua trải nghiệm, David Kolb, cũng khẳng định hạn chế của phương pháp này là cá nhân hóa quá trình học tập thông qua kinh nghiệm. Có lẽ cần lưu ý hơn đến môi trường và bối cảnh khi áp dụng một phương pháp học tập vào giảng dạy.

EXPERIENTIAL LEARNING CYCLE (KOLB, 1984)



Chu trình học tập qua trải nghiệm của Kolb (1984)¹

¹ Kolb, D. (1984). Experiential learning as the science of learning and development.



©dhgate.com

RUBRIC ĐÁNH GIÁ LIỆU ĐÃ ĐẦY ĐỦ?

[William Juang](#)¹ | Ứng Minh Tuấn dịch

Việc có một hệ giáo án tiêu chuẩn theo giáo trình và sử dụng giáo án đó để dạy các học sinh là không hoàn toàn giống nhau.

Khi tôi bắt đầu bài học với yêu cầu tìm một nơi trong lớp học để đặt điểm xuất phát của đoàn tàu lượn. Tôi đã nói: “Được rồi - Ai có câu hỏi nào” Không ai đặt câu hỏi? Thời gian bắt đầu! Đa số các học sinh môn khoa học 8 của tôi đều làm việc. Tuy nhiên, một học sinh chăm chú nhìn vào tờ giấy và chiếc bút chì trong tay. Một học sinh đang nhìn vu vơ. Một học sinh khác đang nghịch những tờ giấy. Chuyện gì đã xảy ra? Các em đã không ý kiến gì khi tôi hỏi: “có câu hỏi nào không?”. Làm thế nào để tôi có thể tiếp cận được những học sinh này?

Những đồng nghiệp của tôi đã thuyết phục tôi rằng những hành vi này không đại diện cho những gì học sinh của tôi biết hay học sinh của tôi thông minh thế nào. Trẻ con có thể nói dối nhưng khi chúng không làm được các bài tập mà chúng biết sẽ ảnh hưởng đến điểm số thì phải có điều gì khác xảy ra mà tôi đã bỏ qua.

¹ Giáo viên Khoa học thành phố Oakland, California, Hoa Kỳ

Sự cần thiết của giáo án học tập cá nhân

Trường tôi hợp tác với Mills Teacher Scholars², tôi đã tập trung vào dự án giáo án cá nhân thế nào cho phù hợp: quá nhiều giáo án cá nhân và tất cả học sinh đều viết một thứ giống nhau, họ làm những việc hoặc thể hiện những hành vi vô nghĩa.

Tôi không chắc chắn học sinh có thể đạt được những kỳ vọng mà tôi đã đặt ra cho dù các em tham gia đầy đủ vào các yêu cầu học tập. Nếu các em hiểu rõ hơn kỳ vọng của tôi, liệu các em có thể tự tin giải thích ý tưởng hơn hay không? Làm thế nào tôi có thể tìm được sự cân bằng trong giáo án học tập cá nhân?

Rubric (Phiếu tự đánh giá) là chưa đủ

Tôi đã quyết định thu thập dữ liệu từ các bài giải quyết vấn đề (CER) trong lớp học. Tôi muốn biết làm thế nào tôi có thể thiết kế được các hoạt động phù hợp như vậy học sinh có thể sử dụng chúng để hỗ trợ tìm kiếm câu trả lời. Tôi đã thiết kế và đưa cho các em phiếu thông tin tự đánh giá - một công cụ cho phép học sinh và giáo viên biết được kỳ vọng học tập, từ đó giáo viên có thể giúp đỡ hiệu quả hơn.

² Mills Teacher Scholars: một tổ chức chuyên nghiên cứu về các vấn đề dạy và học.

Tiếp tục bài tập chúng tôi đề cập ở trên. Tôi đã yêu cầu học sinh giải thích những lí lẽ để thiết kế đoàn tàu lượn. Dựa trên hiểu biết, các em cho rằng điểm khởi đầu càng cao thì năng lượng được chuyển đổi thành động năng càng lớn hay năng lượng để chuyển động càng lớn. Phiếu thông tin tự đánh giá của tôi đã đưa ra hai tiêu chí sau:

Tôi viết một yêu cầu trả lời câu hỏi và đưa ra một giả thuyết ngược lại với câu hỏi;

Tôi cung cấp những thông tin có ý nghĩa cho câu hỏi của tôi.

Rõ ràng điểm xuất phát càng cao thì càng tốt, những học sinh không nhất thiết sử dụng thông tin đó. Các em cũng có khả năng viết về một điểm đặt khác, nếu các em có lý do chính đáng cho sự lựa chọn của mình. Vì vậy tôi đã gặp những rắc rối khi họ trả lời câu hỏi không đầy đủ, chẳng hạn như: “Bắt đầu ở góc phòng học bởi vì chúng ta có nhiều không gian hơn và các ý tưởng mới khác nữa”.

Nếu xem xét kỹ hơn các câu trả lời của các em, tôi nhận ra nhiều học sinh không sử dụng phiếu thông tin tự đánh giá nào cả.

Hỏi học sinh những gì họ nghĩ

Nếu học sinh không sử dụng phiếu thông tin tự đánh giá, tôi sẽ cần phải tìm hiểu xem giáo án cần bổ sung những gì sẽ giúp các em giải thích thành công lí luận của họ, nhưng sự phản hồi lại thì không giống nhau. Một đồng nghiệp trong nhóm điều tra tại Mills đề nghị tôi đặt câu hỏi để giúp học sinh hiểu rõ vấn đề.

Trao đổi với một số học sinh, tôi đã thấy được rằng các em thực sự muốn làm tốt và các em biết nhiều về năng lượng và động năng hơn là những gì các em đã thể hiện trên giấy. Nhưng các em không biết mục đích của phiếu thông tin tự đánh giá là gì và cách sử dụng nó và điều đó ngăn cản các em thể hiện rõ ràng kiến thức của mình

Dạy cách sử dụng giáo án cá nhân hiệu quả

Tôi đã tổ chức lại từ thành phần nhỏ nhất để cho phép học sinh hiểu và thực hành làm việc với phiếu thông tin tự đánh giá, sử dụng các chiến lược sau:

Tôi đã dẫn dắt một cuộc thảo luận, trong đó chúng tôi đã đi đến một sự đồng thuận về phân loại một mẫu văn bản cho phiếu thông tin tự đánh giá

Tôi thiết lập bốn trạm, nơi học sinh trong nhóm làm việc cộng tác với những mẫu khác nhau từ đó đạt được kết quả tốt nhất

Học sinh phản ánh trên ngay trên phiếu với chính các bạn của mình và thực hiện sửa đổi trước khi gửi sản phẩm cuối cùng.

Hiệu cách sử dụng các phiếu thông tin tự đánh giá để học

Các học sinh ban đầu đề xuất ở góc này, khi trả lời câu hỏi lần thứ hai: “Tôi chọn góc trên cao của lớp vì tàu có nhiều năng lượng hơn khi ở trên cao. Khi bạn đặt viên bi trên mô hình tàu lượn, tốc độ của viên bi sẽ tăng và nó sẽ có tối đa động năng

Tôi thấy rằng hầu hết các sinh viên đã thực hiện những cải tiến đáng kể về chất lượng câu trả lời của họ.

Qua cuộc điều tra này, tôi đã học được rằng việc cung cấp một giáo án cá nhân và dạy học sinh sử dụng nó không giống nhau. Nếu học sinh của tôi không hiểu sâu sắc về mục đích của công cụ tôi cung cấp và không biết cách sử dụng nó để hỗ trợ việc học của họ thì họ cũng khó thực hiện tốt được.

HỌC TẬP TÍCH HỢP: KHỞI ĐẦU THỜI KỲ MỚI VỚI PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM ĐƯƠNG ĐẠI

Veronica Boix Mansilla¹
Nguyễn An Quyên dịch

Cùng với những thay đổi quan trọng về mặt xã hội và kỹ thuật trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa là sự biến đổi sâu sắc trong bản chất của học tập. Những học viên trong thế kỷ XXI tự coi mình là những nhân tố năng động trong môi trường đa phương tiện và toàn cầu. Họ tạo ra các mạng lưới xã hội đa dạng và có những hoạt động khá thoải mái trong các mạng lưới đó. Họ học hỏi kinh nghiệm trong thế giới thực và ảo. Họ thể hiện quan điểm của họ và công khai cuộc sống cá nhân một cách dễ dàng. Rất nhiều người trong số họ thể hiện sự quan tâm đến môi trường toàn cầu và quyền con người hơn những thế hệ đi trước. Những cuộc bầu cử gần đây cho thấy, chủ đề thường xoay quanh các vấn đề công cộng trực tuyến và các vấn đề từ phía người dân. Cách thức học tập mới cũng đưa ra những thách thức nhất định. Khi thế giới “phẳng”, khoảng cách dần thu lại có thể khiến

cho các giá trị vùng miền bị xâm lấn và hòa tan mạnh mẽ. Các không gian ảo bị lạm dụng, thông tin bị hiểu sai, nhận dạng ảo bị nhìn sai, các mạng xã hội thì lệch lạc. Thế hệ chúng ta đang bị áp lực phải thể hiện, phải thành công, phải tiến lên với tốc độ nhanh và hiệu quả, nhưng lại có rất ít thời gian để tự ngẫm hay tìm hiểu tường tận về thế giới liên tục thay đổi - thế giới mà chúng ta đang sống.

Những yêu cầu của xã hội đương đại đối với người học mang đến một sự thay đổi trong mô hình đặc trưng của chúng ta về việc dạy và học cho tương lai. Là đơn vị tiên phong vào đầu những năm 1990, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế đã tiếp cận một loạt năng lực mà người học phải phát triển để có cuộc sống thành công và đóng góp cho xã hội vận hành trơn tru. Những năng lực này bao gồm tương tác trong các nhóm không đồng nhất trong xã hội, tự chủ hành động trong các bối cảnh lớn, và chia sẻ với nhau các công cụ và kiến thức. Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng Hoa Kỳ cũng đã công nhận chúng ta cần kỳ vọng *lớn hơn* đối với

¹ Giảng viên Trường Giáo dục Harvard, Trưởng nhóm nghiên cứu Liên ngành, Đề án Số không



© modo3.com

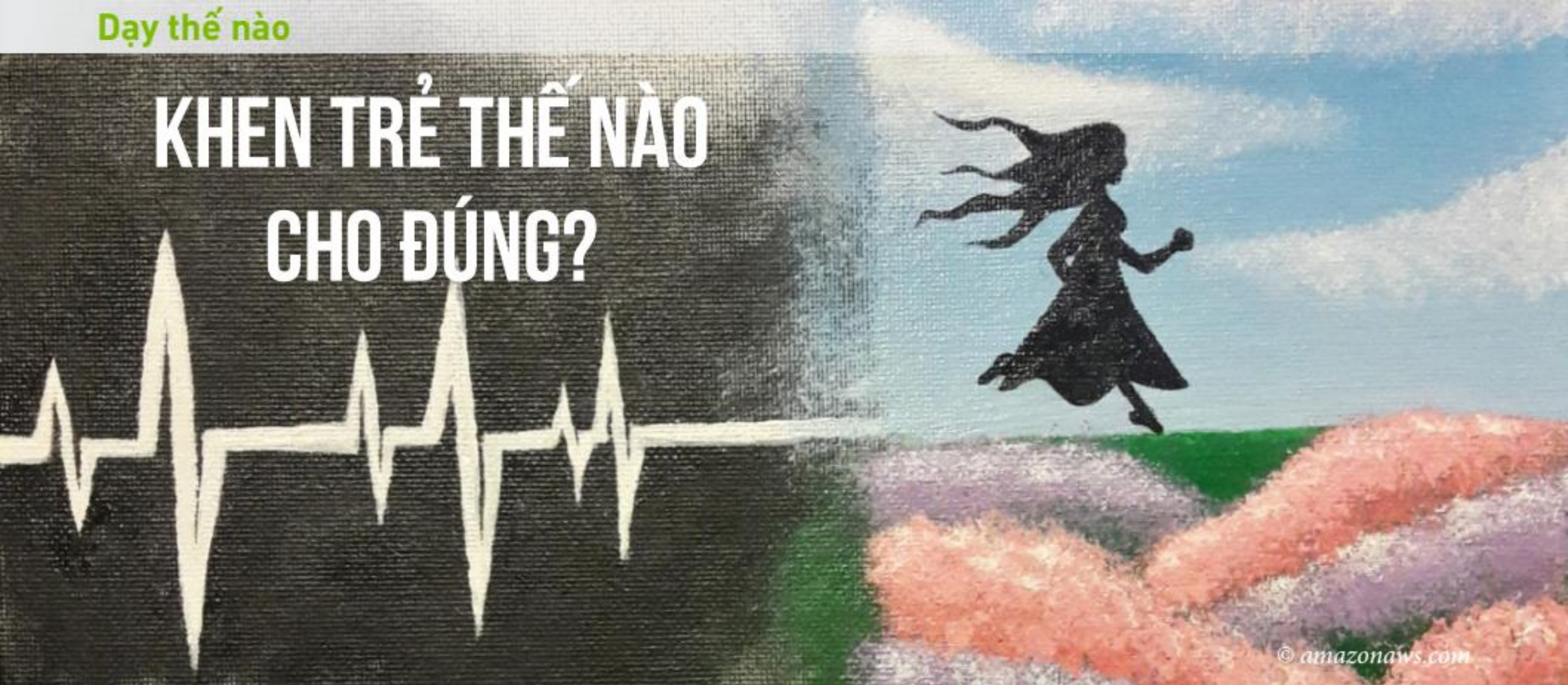
số sinh viên đang dần tăng lên. Những người học của hiện tại và tương lai phải làm chủ việc học tập của chính họ, có tư duy phản biện, có thể hợp tác, áp dụng những kỹ năng tư duy bậc cao hơn cho các vấn đề thực tế, quản lý sự phức tạp về văn hóa và kết nối các quy luật với nhau một cách ý nghĩa. Vậy việc chúng ta nỗ lực học tập tích hợp có vai trò gì trong việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ cho xã hội hôm nay và ngày mai là gì?

Tìm kiếm để vượt qua sự phân mảnh kiến thức của thế kỷ trước để cung cấp một nền giáo dục có liên quan đến đời sống đương đại, giáo dục đại học và các tổ chức tài trợ đã tăng sự hỗ trợ của họ về các sáng kiến liên ngành trong khuôn viên trường. Xếp hạng các trường đại học và cao đẳng của US News và World Report năm 2006 cho thấy 62% các cơ sở nghệ thuật tự do cung cấp các ngành học chuyên ngành liên ngành. Một nghiên cứu của Teagle Foundation về các trường đại học và cao đẳng nghệ thuật tự do đã tìm thấy 99 phần trăm các trường đại học báo cáo có phần hoặc rất hướng đến sự liên ngành. Trong khi một số nghiên cứu thực

nghiệm đã đo lường lợi ích của việc học tập tích hợp một cách hệ thống, các nhà lý thuyết học tập kết hợp nó với niềm tin nhận thức cao hơn (niềm tin về kiến thức và điều tra); mức độ phức tạp tinh thần cao; tư duy quan trọng và tương tự cũng như giải quyết vấn đề phức tạp và hợp tác — tất cả các năng lực chính trong xã hội tri thức ngày nay.

Theo quan điểm của tôi, khi được thực hiện một cách chặt chẽ, việc học tập tích hợp thể hiện một cơ hội sâu sắc hơn để chuẩn bị cho giới trẻ ngày nay và tương lai của xã hội. Khi được hình thành tốt, học tập tích hợp giúp học sinh tập trung vào các vấn đề đa chiều trong sự phức tạp hoàn toàn của chúng. Nó khiến họ cân nhắc, áp dụng và kết hợp những hiểu biết kỷ luật để vượt ra ngoài tầm nhìn hữu hạn của họ. Quan trọng nhất, nó cho phép họ mang những tác động thay đổi hành tinh - từ biến đổi khí hậu sang toàn cầu hoá, từ việc kỹ thuật số hóa cuộc sống hàng ngày sang đạo đức của sức khỏe và công nghệ y tế toàn cầu - vào trong lớp học để thăm dò liên ngành. Việc học tập kỷ luật rõ ràng cũng có thể tập trung vào các chủ đề có liên quan hiện tại và tương lai và làm như vậy với độ chính xác hiệu quả, nhưng vì học tập tích hợp mở rộng bản chất của các câu hỏi mà chúng ta có thể yêu cầu một cách hợp pháp trong lớp. Do đó, nó mang lại chỗ cho một điểm khởi đầu mới để phát triển chương trình giảng dạy: nơi thế giới của chúng ta ngày nay và ngày mai trở thành nguồn gốc của các vấn đề để nghiên cứu và giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các vấn đề đó. Đóng khung trong bối cảnh tương lai của học tập, học tập tích hợp đặt một nền móng cho phương pháp sư phạm hiện đại. Đó là một phương pháp sư phạm, trong đó có hệ thống, học sinh được trang bị một cách nghiêm ngặt để phản ánh và giải quyết các câu hỏi về sự sống còn về văn hóa và văn hóa của thời đại chúng ta; và vận dụng thực tiễn trong công việc mà họ sẽ cần phải làm như các thành viên cùng thế hệ của họ.

KHEN TRẺ THẾ NÀO CHO ĐÚNG?



Trung Hà

Trẻ em rất nhạy cảm với những lời nhận xét của bố mẹ. Khen trẻ thế nào cho đúng?¹

Mặc dù bố mẹ luôn là người mong muốn con cái có được sự phát triển tốt nhất, nhưng có những lời nói của bố mẹ vô tình đánh giá hay “đóng mác” lên con cái, khiến chúng trở nên căng thẳng, đưa chúng trở thành một người có Tư Duy Cố Định. Những câu nói sau đây thường được nói ra từ bố mẹ - những thông điệp mang Tư Duy Cố Định:

- *Con tiếp thu nhanh đấy.*
- *Con thật thông minh!*
- *Con vẽ đẹp quá này. Sau này sẽ thành họa sĩ đấy.*
- *Con học giỏi như vậy thì bài kiểm tra này 10 là cái chắc.*

Mặc dù khi nói ra những lời như vậy, các bậc cha mẹ thường nghĩ rằng mình đang động viên khích lệ con cái mình, nhưng trẻ con sẽ dịch những lời đó ra thành:

- *Nếu mình gặp phải cái gì đó mà tiếp thu không được nhanh lắm, mình sẽ là kẻ kém cỏi.*
- *Nếu mình dừng việc vẽ lại hoặc không trở thành họa sĩ, mình sẽ làm trái ý bố mẹ.*
- *Thà mình không học giỏi ngay từ đầu, nếu không cứ mỗi lần mình không được 10, bố mẹ sẽ cho là mình học dốt.*

Đúng rằng trẻ con rất thích được khen ngợi rằng chúng giỏi, chúng thông minh, chúng có tài năng, nhưng sự kích thích khi được nhận những lời khen như ví dụ trên chỉ kéo dài trong 1 khoảnh khắc nhất định. Nếu cứ mỗi lần chúng đạt được thành tựu gì đó, bố mẹ mới đưa ra những lời khen như vậy, dần dà chúng sẽ có Tư Duy Cố Định rằng: “*Mình chỉ được khen khi mình có kết quả tốt. Mình thành công là vì mình thông minh, mình mà thất bại thì sẽ là kẻ ngu dốt*”. Những lời khen kia sẽ làm chúng nghi ngờ chính bản thân mình nếu có một chuyện không như ý xảy ra, ngay cả khi bố mẹ không hề phàn nàn gì. *Khi chúng ta đánh giá trẻ nhỏ dựa trên tốc độ tiếp thu hay sự hoàn hảo, chúng sẽ không bao giờ dám làm điều gì mạo hiểm có thể ảnh hưởng tới những tiêu chuẩn đánh giá đó.* Ví dụ, chúng sẽ giả vờ rằng chúng hiểu một bài toán ngay sau lần giải thích đầu tiên, ngay cả khi chúng vẫn chưa hiểu, chỉ vì chúng muốn giữ hình ảnh “đứa

¹ Được tham khảo từ cuốn Mindset - Carol S. Dweck và chỉnh sửa từ hai bài viết cùng tác giả trên Tamly.blog
<https://tamly.blog/cai-gia-cua-nhung-loi-khen-ngoi-tuong-nhu-vo-hai/>
<https://tamly.blog/tu-duy-nao-giup-ban-thanh-cong/>

con tiếp thu nhanh” trong mắt bố mẹ chúng. Nếu Tư Duy Cố Định này cứ tiếp diễn trên một diện rộng, một căn bệnh trong xã hội sẽ phát triển: **Bệnh thành tích**. Vì vậy, điều tốt nhất/ nên làm nhất của bố mẹ là dạy cho chúng cách yêu thích những thử thách, kích thích bởi những sai lầm, không ngại cố gắng, luôn tìm kiếm những cách làm mới và không ngừng học hỏi. Bằng cách này, trẻ con khi lớn lên sẽ không phải làm nô lệ cho những lời khen nữa, mà sẽ tự tạo dựng lên sự tự tin của riêng mình.

Điều đó không có nghĩa là chúng ta không bao giờ nên khen trẻ con. Nhưng thay vì những lời khen tập trung vào kết quả, hãy khen những cố gắng, quá trình mà trẻ đã phải đi để đạt được kết quả ấy, dù kết quả đó thế nào đi chăng nữa.

- *Bố có thể thấy con đã học hành rất chăm chỉ, và kết quả bài kiểm tra vừa rồi đã chứng minh sự tiến bộ của con. Con đã làm những gì để làm được như vậy thế?*
- *Mẹ biết con học ở trường rất tốt và trong lớp con luôn đứng đầu. Nhưng mẹ vẫn cảm thấy con vẫn chưa vận động hết khả năng của mình. Sao con không thử làm gì đó thách thức hơn/ học điều gì đó mới hơn nhỉ?*

Với những trẻ đã bỏ ra nhiều công sức nhưng không đạt được kết quả như ý thì sao?

- *Bố biết con đã bỏ ra khá nhiều công sức cho bài kiểm tra này, điều đó là điều quan trọng nhất. Giờ chúng ta cùng ngồi lại và xem xem có chỗ nào con chưa hiểu nhé.*
- *Mỗi chúng ta đều có khả năng tiếp thu khác nhau ở mỗi lĩnh vực khác nhau. Ở lĩnh vực này, có thể con sẽ cần nhiều thời gian hơn để hấp thụ nó, và điều đó là hết sức bình thường. Miễn là con không bỏ cuộc là được.*

Xin kể một câu chuyện có thật sau đây:
Elizabeth là một đứa trẻ 9 tuổi với niềm đam mê

với bộ môn thể dục dụng cụ. Bản thân em đã tập luyện rất chăm chỉ, em rất dẻo và linh hoạt, và thực sự được đánh giá cao bởi các huấn luyện viên. Em cũng rất tự tin vào khả năng của mình. Vậy nhưng, khi tham dự hội thi đầu tiên cấp quận, em lại không đạt được huân chương nào cả. Bạn sẽ làm gì nếu là bố mẹ của Elizabeth sau cuộc thi?

1. Nói với em rằng bạn vẫn tin em giỏi nhất hội thi.
2. Nói với em rằng ban giám khảo đã không công bằng.
3. Nói với em rằng thể dục dụng cụ không phải là cái gì đó quá lớn lao.
4. Nói với em rằng em thực sự có khả năng, chắc chắn lần sau em sẽ chiến thắng.
5. Nói với em rằng em không xứng đáng được thắng.

Câu trả lời 1 là nói dối. Bạn biết em không phải là giỏi nhất, và bản thân em cũng vậy. Câu này hoàn toàn không có tác dụng chỉ cho em chỗ nào em chưa được hay làm thế nào để khắc phục nó.

Câu 2 dạy cho em cách đổ lỗi cho hoàn cảnh. Bạn có muốn con bạn lớn lên trở thành một người luôn vịn cớ cho tất cả những khuyết điểm của mình không?

Câu 3 tạo cho em thói quen coi thường những thứ mà em không làm đúng ngay từ lần đầu tiên. “Ồi xời chẳng quả việc đó không đáng để tôi làm tốt thôi” – đó có phải là điều bạn muốn dạy con bạn không?

Câu 4 là câu có ảnh hưởng nguy hại nhất. Nếu em đã có khả năng chiến thắng, tại sao em không thắng ngay từ lần này? Câu nói này rất dễ làm em chủ quan với việc cố gắng rèn luyện, cho rằng việc không thắng lần này đơn giản là vì không may mắn.

Câu 5 có vẻ như thực tế nhất, nhưng lại khá phũ phàng và có thể phản tác dụng.

Người bố trong câu chuyện này đã nói như sau: “Bố biết con đang cảm thấy thất vọng. Đó là điều dễ hiểu khi con kỳ vọng vào một kết quả cao, biểu diễn hết mình mà vẫn không có được kết quả như ý muốn. Nhưng con biết là con chưa thực sự đạt tới trình độ để chiến thắng. Những cô gái (đạt giải kia) là những người đã tập bộ môn này lâu hơn con, nỗ lực nhiều hơn con. Nếu con chỉ coi bộ môn này như một sở thích tạm thời, con có thể hài lòng với kết quả ấy. Nhưng nếu con nghiêm túc và thực sự muốn dành lấy chiến thắng, con cần phải cố gắng nhiều hơn nữa”.

Khi trẻ nhỏ không đạt được thành tích như chúng mong muốn/bố mẹ mong đợi, đừng đánh giá. Hãy dạy dỗ chúng.

Câu cửa miệng thường thấy ở cha mẹ Việt Nam là “*Tao cho mày ăn học để mày học hành thế này à!!!*”. Đây là một thái độ rất sai lầm. Các bậc phụ huynh thường lấy lí do là muốn làm con cái xấu hổ về thành tích của mình để “có động lực” học tốt hơn. Điều này rất dễ làm phản tác dụng, khiến trẻ con hoặc chán học, hoặc cảm thấy rất căng thẳng khi nghĩ tới việc học. Thông điệp đó, hoặc những thông điệp tương tự như so sánh trẻ với bạn bè chúng, hay đặt ra những mục tiêu cố định như “*phải đỗ trường chuyên, lớp chọn*”, sẽ làm trẻ con lấy việc học làm thước đo tình yêu từ cha mẹ, để đấu đá với bạn bè, chứ không phải học để lấy kiến thức.

Những lúc như vậy, việc đúng đắn hơn nên làm là cùng ngồi xuống với trẻ, khen chúng về những nỗ lực chúng đã bỏ ra, những điều chúng đã làm đúng, và cùng giúp chúng tìm ra điều chúng chưa đúng để cùng tiến bộ. Với những điều bạn biết chúng chưa thể làm, thay vì nói “*Con KHÔNG làm được điều đó đâu. Đi ra chỗ khác đi*” thì hãy nói “*Con CHƯA làm được điều đó bây giờ đâu. Nếu con thực sự muốn làm, ngồi*

nhìn bố làm để học nhé. Rồi sau này khi con đủ lớn để cầm cái chày này, bố sẽ cho con tự làm”. Đừng quên rằng, mục đích của cha mẹ nói chung, cũng như các nhà giáo dục nói riêng, trong việc dạy dỗ trẻ nhỏ là để *phát huy và nuôi dưỡng tiềm năng của trẻ theo hướng đi chúng cảm thấy phù hợp, chứ không phải ép chúng thực hiện bất kỳ điều gì mà mình mong muốn*.

Mặt khác, việc đặt ra tiêu chuẩn (dựa theo khả năng và thiên hướng của trẻ) là không sai, nhưng *không chỉ ra cho trẻ các bước, hay không cung cấp công cụ để trẻ đạt được chúng, mà chỉ biết ép chúng phải đạt được rất dễ làm trẻ mau nản và căng thẳng*. Hạ thấp tiêu chuẩn để trẻ có thể dễ dàng với tới cũng không phải là cách để trẻ có thể khai thác hết tiềm năng của mình. Hãy ở bên cạnh khuyến khích trẻ vượt qua giới hạn cũ của mình bằng cách chỉ ra cho chúng những việc nên làm, những chi tiết nên sửa để có thể đạt được kết quả tốt hơn.

Hãy tập nói chuyện với chúng như những người lớn ngay từ khi còn nhỏ.

Có lần tôi tới nhà một người bạn Úc của tôi chơi. Tối đó, cô con gái 16 tuổi của anh xin phép anh được mời bạn tới nhà để tổ chức 1 bữa tiệc cocktail. Thay vì ngay lập tức gán ngay suy nghĩ rằng “*Nó là một đứa hư hỏng, đua đòi*” (tuổi hợp pháp được uống đồ có cồn ở Úc là 18 tuổi), anh đã nói cô bé ngồi xuống, hỏi tại sao cô lại muốn như vậy. Cô bé giải thích rằng, cô ấy và bạn bè đã từng tới vài bữa tiệc, thấy mấy món cocktail trông rất hay, ngon và muốn thử. Nhưng bọn trẻ không muốn thử ở những nơi chúng cảm thấy không an toàn, cũng không muốn lái xe khi có cồn trong người; chúng muốn thử với sự giám sát và cho phép của bố mẹ, và được bố mẹ chở về khi lỡ quá chén. Một suy nghĩ hết sức chín chắn, tuy tò mò nhưng vẫn thể hiện một cô gái rất ngoan và nề nếp. Mặc dù anh bạn tôi vẫn không cho phép cô bé làm vậy, nhưng anh đã giải thích tại sao với cô bé một cách rất cụ thể,

công bằng và hợp lý. Cô bé dù bị từ chối, có phần tiếc nuối nhưng vẫn vui vẻ nghe theo. Nếu lúc đó anh bạn tôi chỉ đơn giản nói “Không!” mà không đưa ra lời giải thích, hoặc ngay lập tức gán tội “Mày là đồ hư đồn! Mới tí tuổi đầu đã học đòi uống rượu” thì hậu quả lên cô bé sẽ như thế nào? Cách dạy con như anh bạn tôi đã làm, nếu thực hiện ngay từ khi trẻ còn nhỏ, sẽ làm cho con cái hiểu được lý do đằng sau mọi hành động (hoặc không hành động) của mình, thay vì có những suy nghĩ như “*Mình mà làm không đúng ý bố mẹ tức là mình là một người tệ hại, một người con hư*”, dẫn tới hình thành một Tư Duy Cố Định vô cùng nguy hiểm. Lớn lên, những

đứa trẻ như vậy thường sẽ không có chính kiến, chỉ chờ “mệnh lệnh” từ bố mẹ rồi mới làm.

Hãy cân trọng trong lời nói với trẻ.

Tâm trí trẻ em như một tờ giấy trắng. Chúng thường hiểu những lời nói của bố mẹ theo một nghĩa rất đơn giản, nên mọi lời nói với trẻ nên được người lớn cân nhắc kĩ càng. Hãy cố gắng hướng trẻ tới một Tư Duy Phát Triển, một sự ham học hỏi, một ý chí kiên trì và không ngừng nỗ lực, và ý thức nhận trách nhiệm cho hành động của mình. Hãy kiên nhẫn và bình tĩnh trong công cuộc dạy dỗ trẻ. Đừng để sự bực bội, khó chịu của mình ảnh hưởng xấu tới sự phát triển nhận thức của chúng.



CÓ CẦN CHUẨN BỊ THỂ HỆ TRẺ CHO “NHỮNG CÔNG VIỆC TRONG TƯƠNG LAI”?

© trainingindustry.com

Shirley Jackson | Ngô Thành Nam dịch

Trong khi sự đồng thuận cho vấn đề này còn rất ít thì một điều chắc chắn là lao động trẻ như đang ngồi trên lửa. Theo một báo cáo của Quỹ dành cho Thanh niên Úc, lao động trẻ không có đủ cơ hội để tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp, và đang trải qua một sự bất tương xứng giữa nghề nghiệp và giáo dục, thiếu hụt kỹ năng quản lý nghề nghiệp và những công việc cấp thấp.

Nhưng báo cáo này cũng tạo ra một sai lầm phổ biến đáng tiếc trong cuộc tranh luận về vấn đề tương lai của nghề nghiệp. Các giải pháp được đề nghị chú trọng vào việc gia tăng cung cấp lao động trẻ tài năng, trong khi vấn đề là thiếu hụt nhu cầu.

Có hai hướng nhằm vào vấn đề này. Một là liên quan đến quan điểm mang tính ảo tưởng lớn như khởi động các ngành công nghiệp hoàn toàn mới. Hướng thứ hai tập trung vào các giải pháp nhỏ hơn như điều chỉnh các khoản trống đang tồn tại trong thị trường lao động.

Không may, các chính trị gia lại rất quan tâm đến hướng đầu tiên. Điều này có thể dẫn đến bỏ qua lực lượng lao động còn non trẻ.

Báo cáo đã chỉ ra sự thiếu hụt công việc và cơ hội tích lũy kinh nghiệm là những vấn đề cốt lõi mà lao động trẻ đối mặt. Nó khuyến khích đầu tư vào các cơ chế dành cho cá nhân và nhân rộng các nền tảng kỹ năng khởi nghiệp cho lao động trẻ.

Không may, điều này chỉ đề cập đến một phần của vấn đề. Nếu chỉ có 50 công ăn việc làm cho 100 lao động trẻ, việc gia tăng trình độ kỹ năng không làm cho toàn bộ 100 lao động trẻ có việc làm.

Mở rộng nền tảng các kỹ năng không làm tăng công ăn việc làm. Tệ nhất, nó làm loãng và phá hoại giá trị nền tảng kỹ năng cao cấp mà nước Úc đã tạo ra và không tìm được cái kết nào hay hơn cho lao động trẻ.

Về vấn đề thiếu hụt nhu cầu

Các chính trị gia thường bị thu hút bởi các giải pháp đơn giản. Điều này thường thấy qua việc thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp như sản xuất tiên tiến, robot và công nghệ vũ trụ.

Các tuyên bố như là một quan hệ đối tác với Elon Musk về công nghệ năng lượng hoặc phóng một trạm không gian là phổ biến; vì như vậy, các chính trị gia có cơ hội lớn hơn để trở thành những người thắng cuộc trong tranh cử. Những sáng kiến này làm cho chính phủ có vẻ như đây là một chính phủ đầy tham vọng, có tầm nhìn xa và mang tính đổi mới.

Và trong khi những ý tưởng như vậy có thể tốn kém, thì đúng là quan điểm to lớn này đã đem lại những kết quả tích cực. Ví dụ như những ngành công nghiệp này đã có thể tạo ra các loại hình công nghệ mang đến lợi ích phụ. Nếu những ngành công nghiệp này được tiến hành chính xác như vậy thì có thể trở thành các dự án góp phần xây dựng quốc gia.

Không may, không có trường đại học hay hệ thống đào tạo nghề nào được trang bị để chuẩn bị cho những lĩnh vực này.

Việc thiếu một hệ thống thông suốt cho những lĩnh vực này làm gia tăng tính hợp lý của việc sử dụng những lao động lớn tuổi, dày dặn kinh nghiệm hoặc là lao động nước ngoài có tay nghề cao.

Thậm chí nếu xem xét toàn bộ hệ thống giáo dục sau trung học cơ sở thì cũng không có gì đảm bảo là sẽ có những giải pháp tức thì cho những vấn đề mà lao động trẻ đang gặp phải.

Mặt khác, có một cơ hội lớn để định hướng lại cho những người tìm việc trẻ về các loại kỹ năng và việc làm hiện đang bị thiếu trong thị trường lao động.

Sở lao động thống kê cho thấy nước Úc đang thiếu nhân lực cho các ngành về siêu âm, thính học và hộ sinh. Tương tự, các nghề nghiệp như kiến trúc sư, thanh tra, bác sĩ thú y cũng như các ngành nghề như cơ khí, điện và kỹ thuật đang thiếu nghiêm trọng.

Miễn phí, trợ cấp chính phủ hay học bổng có thể lôi kéo người tìm việc đăng ký học các chuyên ngành này và hy vọng lấp đầy các khoảng trống đang bị thiếu.

Chính phủ thời đại nữ hoàng Victoria mới đây đã thông báo những dự định như vậy. Những khóa học nghề miễn phí sẽ được trao cho những người tìm việc muốn đăng ký vào các khóa học cơ bản hoặc ngắn hạn nhằm vào các ngành nghề đang bị thiếu hụt lao động.

Không may, các chương trình tích cực như vậy thường bị coi nhẹ.

Một hướng khác là trợ cấp lương hoặc tăng tuyển dụng vào các sở ngành của chính phủ.

Trợ cấp làm giảm chi phí thuê lao động trẻ thiếu kinh nghiệm vào các ngành công nghiệp có sẵn một cách hiệu quả. Tuy nhiên, để đảm bảo rằng những trợ cấp như thế này giải quyết đúng những vấn đề mà lao động trẻ đang gặp phải thì cần phải có những yêu cầu mang tính chiến lược. Ví dụ như là phải căn cứ vào chiến lược phát triển cá nhân và nghề nghiệp dành cho lao động mới tốt nghiệp của các chủ doanh nghiệp.

Gia tăng việc tuyển dụng vào các ngành dịch vụ công cộng cũng là một giải pháp để sử dụng một số lượng lớn. đa dạng lao động tốt nghiệp. Sinh viên kỹ thuật tốt nghiệp các chuyên ngành toán và khoa học có thể tăng tỉ lệ việc làm hiện đang thấp một cách đáng lo ngại và cung cấp các ý kiến chuyên môn cho một số sở ngành.

Tương tự, những chuyên ngành rộng hơn cũng

có thể được mở rộng để sử dụng nguồn lao động có bằng cấp về khoa học xã hội nhân văn.

Đầu tư vào các chính sách nhỏ lẻ

Một lựa chọn căn bản hơn mà chính phủ cũng có thể nghĩ đến mà không cần phải bỏ đi các đầu tư liên quan đến không gian vũ trụ.

Việc giảm thiểu giờ làm việc ở Đức, các kiến nghị về việc đảm bảo công ăn việc làm ở Anh, và các thử nghiệm về lương cơ bản ở Phần Lan đã cho ra các mô hình thay thế để hỗ trợ lao động trẻ trong vấn đề tương lai của công ăn việc làm.

Tất cả những thử nghiệm này có khả năng làm giảm số giờ lao động của lực lượng lao động chính, tăng nhu cầu đối với lực lượng lao động phụ (như bài viết là lao động trẻ).

Cuối cùng, có một khả năng khác căn bản gần như là tầm thường là chính phủ có thể tự đầu tư nhiều hơn vào các lĩnh vực nhỏ nhất của nền kinh tế.

Nền kinh tế dịch vụ có tiềm năng cung cấp các loại nghề nghiệp đáng làm và các giải pháp

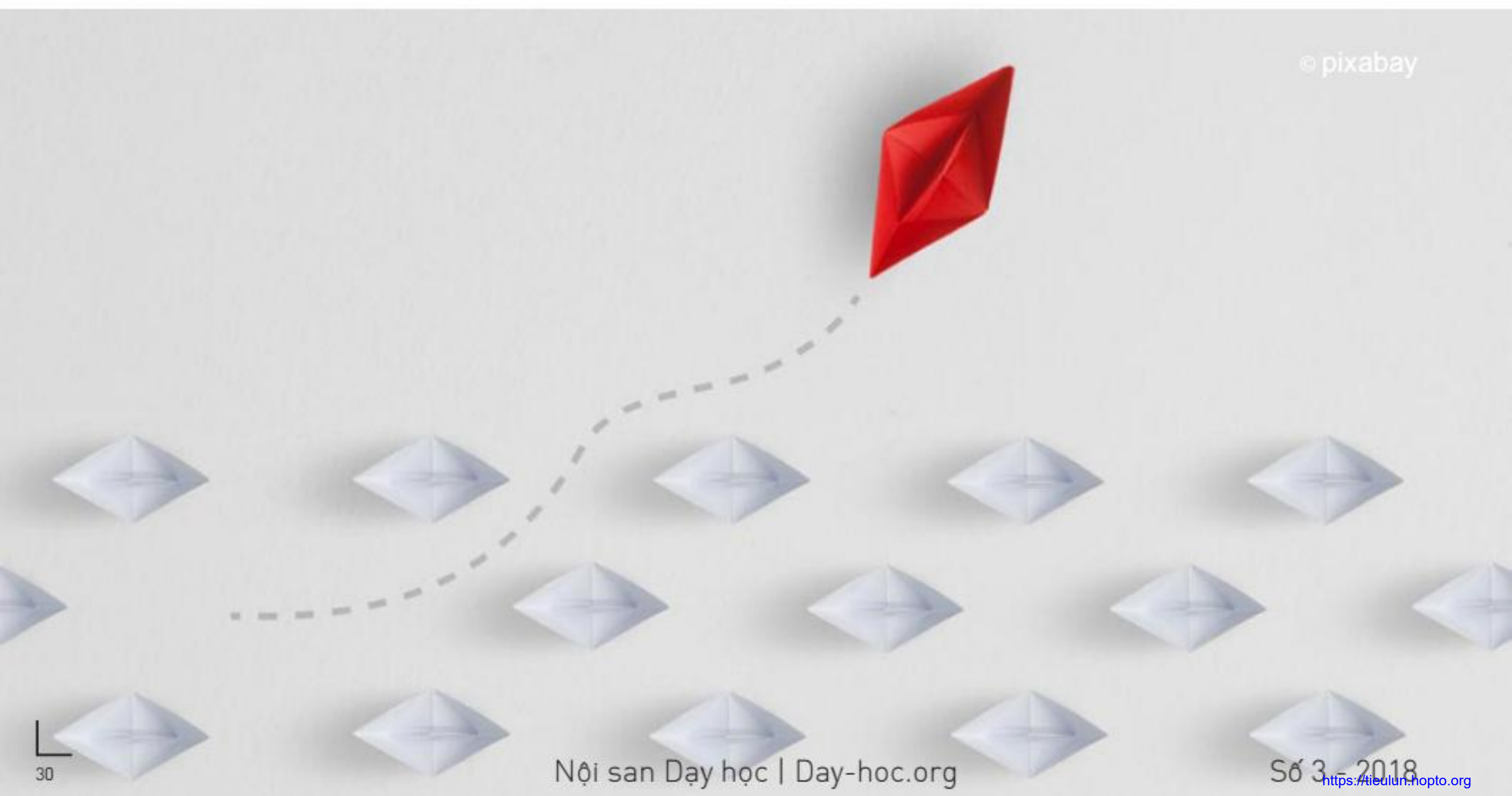
đổi mới cho những vấn đề phức tạp. Chúng ta thường tìm cách thu hút sinh viên quốc tế đến các học viện giáo dục của chúng ta nhưng chúng ta không áp dụng cùng quan điểm đối với các hoạt động chăm sóc người cao tuổi hay chăm sóc trẻ em.

Tương tự, chúng ta cần nghĩ về chất lượng của công việc chứ không phải là số lượng.

Nếu nhìn nhận đúng tầm quan trọng của những lĩnh vực này và tìm kiếm cách mà nền kinh tế có thể hưởng lợi từ các kiến thức chuyên ngành, chúng ta có thể định hướng lối đi phù hợp cho lao động trẻ.

Tuy nhiên, việc này bắt đầu bằng việc nhận ra giá trị của nó, việc đáng làm và sự phát triển nghề nghiệp cho lực lượng lao động, cũng như đầu tư vào việc nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực này.

Cuối cùng, tương lai của việc làm phụ thuộc vào việc chúng ta muốn xã hội chúng ta trở nên như thế nào. Nếu chúng ta đánh giá cao sự an toàn và ổn định lâu dài của lao động trẻ, chúng ta phải nhìn xa hơn các giải pháp nghiêng về phía nguồn cung hơn là những vấn đề về cầu.





© imgix.net

LÃNH ĐẠO GIÁO DỤC THEO PHONG CÁCH PHẦN LAN

Diệu Nguyễn giới thiệu

Tựa Sách: *FinnishED Leadership: Four Big, Inexpensive Ideas to Transform Education*

Tác giả: Pasi Sahlberg

Năm xuất bản: 2017

Tạm dịch: *Lãnh đạo Giáo dục theo phong cách Phần Lan: Bốn Ý Tưởng Lớn Nhưng Không Tốn Kém Nhằm Cải Cách Giáo Dục*

“Giáo dục là Trái tim của Xã hội.”¹

Tôi luôn mượn ý này như câu nói mở đầu của bất kỳ bài chia sẻ nào về Giáo dục trước các em sinh viên, các thầy cô giáo, những người bạn hay bất kỳ ai quan tâm đến Giáo dục. Các cuộc tranh luận nóng bỏng gần đây quanh lĩnh vực thiết yếu này hiển nhiên là cần thiết và đáng khích lệ cho dù chính kiến của mỗi người có thể không gặp nhau. Nếu như chiến tranh, nhìn vào mặt tích cực, là dấu hiệu của sự tiến bộ xã

¹ Bản gốc “Education is the Heart of Society” - Một ý giới thiệu về Giáo dục Phần Lan trên các website chính thống của quốc gia này.

hội thì tranh luận căng thẳng trên các phương tiện truyền thông đại chúng có phải là dấu hiệu ban sơ của sự tiến bộ giáo dục trong tương lai không? Nhằm góp một tiếng nói trong bức tranh cải cách giáo dục tại Việt Nam hiện nay, bài viết này giới thiệu cuốn sách thứ 2 của Pasi Sahlberg² liên quan tới hệ thống giáo dục tại quê hương của ông già Noel: *FinnishED Leadership: Four Big, Inexpensive Ideas to Transform Education*.

Cuốn sách hướng tới đối tượng là những nhà lãnh đạo và cải cách giáo dục. Đánh giá nội dung vồn vện của 120 trang ấy, Howard Gardner³ tán dương “*Pasi Sahlberg, người đã giới thiệu hệ thống giáo dục đáng kinh ngạc của Phần Lan tới*

² Pasi Sahlberg (1959 -): Hiện là Giáo sư về Chính sách Giáo dục tại Viện Giáo dục Gonski (University of New South Wales, Úc), Nguyên Giáo sư thỉnh giảng tại ĐH Harvard, Giám đốc Tổ chức Hợp tác và Di chuyển Quốc tế (CIMO) thuộc Bộ Văn hóa và Giáo dục Phần Lan. Ông là tác giả quả cuốn sách nổi tiếng Bài học Phần Lan 2.0 (Finnish Lesson 2.0). Tìm hiểu thêm tại <https://pasisahlberg.com/>

³ Howard Gardner (1943 -): Là một trong những nhà nghiên cứu giáo dục lỗi lạc đương đại. Ông là Giáo sư về Nhận thức và Giáo dục tại ĐH Harvard và được biết đến rộng rãi tại Việt Nam là cha đẻ của Thuyết đa trí thông minh. Tìm hiểu thêm tại <https://howardgardner.com/>

thế giới, đang phác họa 4 bài học hữu ích cho những nhà lãnh đạo giáo dục trên toàn cầu. Nội dung trình bày rõ ràng, lý lẽ vững chắc và giàu tính đàm thoại vừa bắt kịp xu thế thời đại lại vừa tạo ra sức ảnh hưởng mạnh mẽ.” Bốn bài học đó là:

1. Nghỉ giải lao thường xuyên và vận động thể chất là cần thiết cho học tập.

Thời gian là một nguồn lực có hạn. Nhiều thời gian hơn cho hoạt động này đồng nghĩa với giảm thời lượng của hoạt động khác. Trong khi đó, xã hội phổ biến một quan niệm cho rằng, một điều gì đó trong trường học không đem lại hiệu quả là bởi trường học chưa dành đủ thời gian vào đó. Theo lẽ đó, thời lượng cho các môn học sẽ tăng lên và thời gian nghỉ giải lao giảm đi. Những ngày học dài có thể có tác dụng nào đó nhưng hẳn nhiên sẽ không tạo ra những đứa trẻ hạnh phúc hơn... Vậy thì nghỉ giải lao có nên là điều bắt buộc trong trường học? Ở Phần Lan có một điều luật như thế. Cứ 45 phút học tập sẽ đi kèm sau đó 15 phút nghỉ giải lao (Nếu thời lượng tiết học dài hơn thì thời gian nghỉ cũng tăng theo). Ngoài ra, nhiều nghiên cứu tại Hoa Kỳ và thực tế tại Phần Lan chứng minh rằng vui chơi tự do ngoài trời và hoạt động thể chất có tác động tích cực tới sức khỏe và việc học của trẻ. Bằng cách đó, trẻ tha hồ vùng vẫy, chạy nhảy trong bầu không khí tươi mới trước khi bắt đầu một tiết học đòi hỏi tư duy và sự tập trung cao độ.

2. Các dữ liệu “nhỏ” có thể hiệu quả hơn dữ liệu “lớn” nếu muốn đạt được những thay đổi “lớn”.

Xu hướng Big Data đang ngày càng trở nên phổ biến trong giáo dục, đặc biệt tại Mỹ. Các nhà lãnh đạo đang ngày càng coi trọng việc tích lũy, lưu trữ, phân loại và sử dụng cũng như truyền thông về trường học, giáo viên và học sinh dựa trên các dữ liệu thông tin ngày một gia tăng. Loại thông tin này được gọi là “Big Data” (Dữ liệu “lớn”). Ngày nay, Big Data được dùng để dự

báo cả những chỉ số về quá trình dạy và học, xu hướng thành tích của học sinh trong dài hạn. Không phủ nhận vai trò của Big Data, Sahlberg lập luận rằng những thông tin đó chỉ thuần túy dựa trên số liệu và do bị giới hạn bởi các chỉ tiêu định lượng, chúng không phản ánh các mối quan hệ hay các xúc cảm khuyến khích việc học. Big Data sẽ cung cấp các thông tin chung chung để từ đó, các nhà sư phạm điều chỉnh giải pháp phù hợp cho từng hoàn cảnh. Small Data là những thông tin chi tiết về học sinh, mô tả về các mối quan hệ hay từng vấn đề cụ thể; là những chi tiết nhỏ báo hiệu thay đổi “lớn”. Dạy và học tốt ở trường phải luôn luôn được duy trì bằng sự quan sát, đánh giá và phản ánh cẩn thận, tỉ mỉ và có chủ đích của cả giáo viên và học sinh về những gì đang diễn ra hàng ngày.

3. Tăng cường sự công bằng trong giáo dục là một phần thiết yếu trong việc cải tiến chất lượng giáo dục.

Công bằng trong giáo dục mang hàm nghĩa không thiên vị và tăng cường sự hòa nhập. Cụ thể, hoàn cảnh cá nhân hay xã hội như giới tính, dân tộc, xuất thân... không được coi là trở ngại để học sinh phát huy tiềm năng của bản thân; và mọi trẻ em ở trường đều đạt mức kiến thức và kỹ năng cơ bản. Để thực hiện được điều đó, ở Phần Lan, trường học và giáo viên có quyền tự chủ tương đối khi xây dựng chương trình đào tạo và toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên trường học luôn được tạo điều kiện để trau dồi năng lực chuyên môn. Một trường học xuất sắc là nơi mà thành tích của mỗi học sinh đều vượt xa kỳ vọng của bản thân. Tác giả bổ sung một quan điểm rằng: Cơ chế thị trường không giúp trường học tiến bộ, bởi vì khi giáo dục được tư nhân hóa, khách hàng và người cung cấp dịch vụ đều có nhiều sự lựa chọn, sự phân biệt và bất bình đẳng sẽ gia tăng như một bàn tay vô hình.

4. Hiểu đúng những bài học Giáo dục Phần Lan.

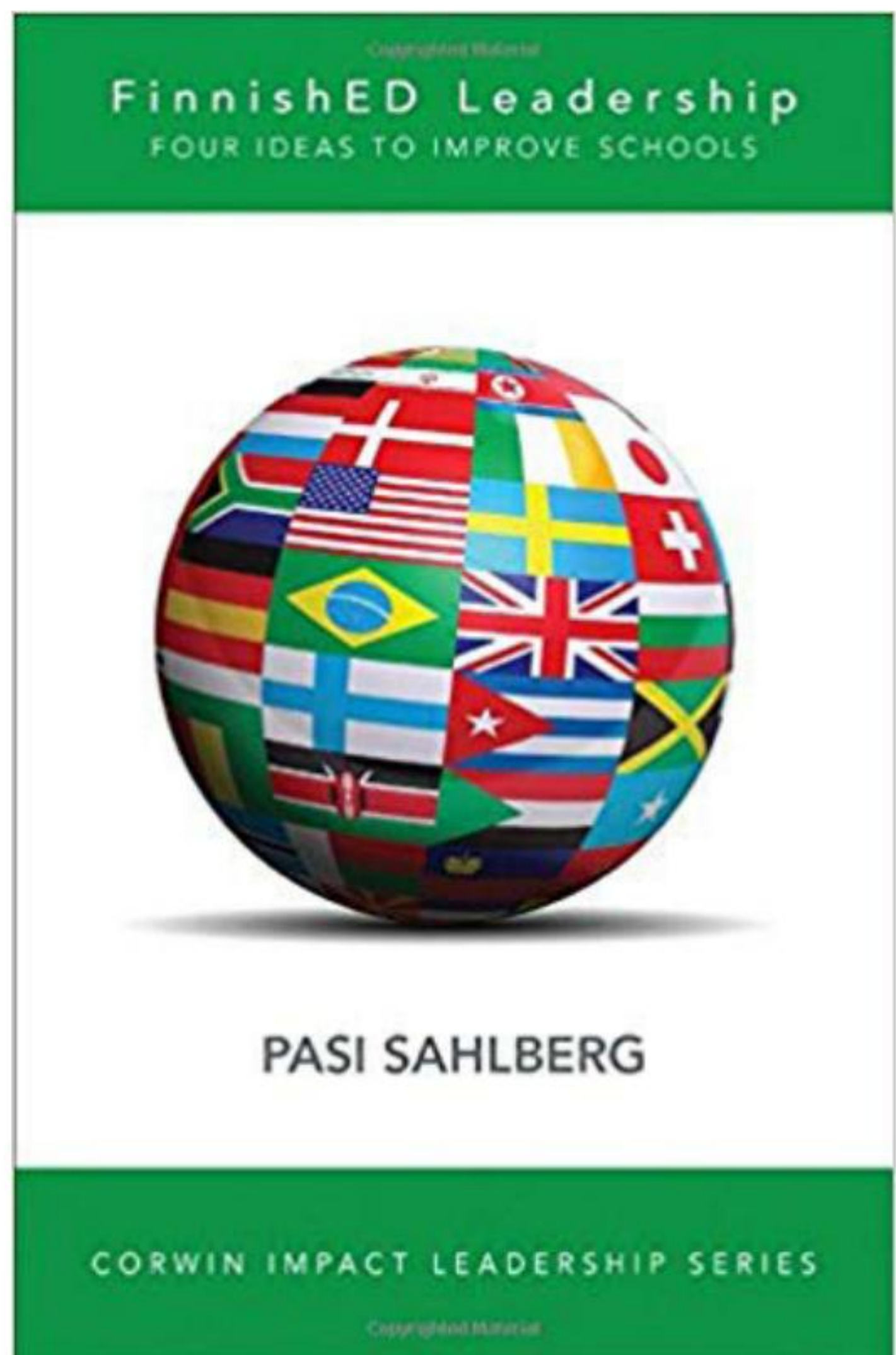
Chúng ta nghe nhiều tới giáo dục Phần Lan, tiêu biểu qua cuốn sách **Bài học Phần Lan 2.0** được dịch sang Tiếng Việt vào năm 2016. Nhưng điểm lại số lượng bài viết, thông tin toàn diện, hệ thống bằng Tiếng Việt chưa có nhiều. Thông tin tiếp cận đến chúng ta manh mún. Tương tự, câu chuyện giáo dục Phần Lan được giới thiệu ở nhiều nơi, ngay cả Mỹ, nhưng phần đông người Mỹ cũng chưa thực sự hiểu trọn vẹn chiến lược của Phần Lan. Điển hình là khi nhắc đến Giáo dục Phần Lan, đại đa số sẽ hình dung ra một nền giáo dục *“Không thi cử, không bài tập về nhà, nghề giáo được trả lương cao ngất ngưỡng và nghề giáo là một nghề được trọng vọng...”* Sự thật đúng, nhưng đúng trong văn cảnh và có giá trị tương đối. Cho nên nếu muốn áp dụng những ý tưởng của giáo dục Phần Lan, cần xem xét trong mối tương quan hệ thống với bối cảnh và các yếu tố xung quanh để áp dụng phù hợp. Tác giả tự tin rằng có rất nhiều chính sách và thực tiễn giáo dục tại Phần Lan nếu được thực hiện đủ và đúng, sẽ cải thiện đáng kể và lâu dài chất lượng và công bằng giáo dục tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Không chỉ đậm tính hàn lâm thông qua các dẫn chứng và lập luận thuyết phục, **FinnishED Leadership** dẫn dắt người đọc theo dòng tự sự của một đoạn đối thoại sống động giữa tác giả và những nhà chức trách Hoa Kỳ, và lồng ghép trong đó các thông tin giá trị để bất kỳ ai cũng đón nhận chúng bằng một tâm thế nhẹ nhàng. Pasi Sahlberg cài cắm trong mỗi lời tự sự một sự thật về giáo dục Phần Lan trong tương quan với hệ thống giáo dục của nước Mỹ vĩ đại. Theo mạch câu chuyện, rất nhiều học thuyết, mô hình, ý tưởng giáo dục đang được triển khai tại Phần Lan có nguồn gốc hay được khởi nguồn từ nước Mỹ và bởi những nhà sư phạm/học giả Hoa

Kỳ. Trong đó phải kể tới những tên tuổi như Howard Gardner, John Dewey, Elizabeth Cohen, Robert Slavin hay Bruce Joyce.

Liệu những ý tưởng này có thể được áp dụng tại Việt Nam và nếu có thể, sẽ áp dụng đến đâu hay điều chỉnh như thế nào? Câu hỏi này xin để mở nhằm đón nhận chia sẻ và phản hồi của độc giả **Dạy & Học** số ra thứ 3, đặc biệt sau khi bạn đọc đã nghiền ngẫm đủ sâu cuốn sách trên của Pasi Sahlberg.

Cải cách giáo dục là một tiến trình lâu dài. Thành công không đong đếm bởi thước đo ngày, tháng, hay thậm chí năm. Vội vàng cải cách đồng nghĩa với phá hủy chính những cải cách đó!



DU AN CANGH DIU - TAM LY HOC TICH CUC Positive Psycho

Nguyễn Phước Cát Phượng
Nguyễn Minh Thành

Tâm Lý Học Tích Cực (TLHTC) là gì ấy nhỉ?

Ngày xưa ngày xưa, có một bà mẹ đưa cho đứa con trai ba mươi nghìn đồng để đi mua một vỉ trứng gà. Trên đường đi, chẳng may đứa bé làm rơi vỉ trứng và vỡ hết cả một nửa. Về đến nhà, nó mếu máo: “Con đã làm rơi trứng gà, vỡ hết cả nửa vỉ rồi”. Và rồi nó khóc lóc đau khổ vì đã mất nửa vỉ trứng. Thông thường, chúng ta hay gọi đây là đứa bé bi quan.

Ở một câu chuyện khác, một bà mẹ khác, cũng đưa cho đứa con trai ba mươi nghìn đồng để đi mua một vỉ trứng gà. Trên đường, đứa bé này cũng chẳng may đánh rơi vỉ trứng và vỡ hết cả một nửa. Nhưng khác với bé kia, bé này về đến nhà hớn hờ khoe: “Mẹ, trên đường về con đã lỡ tay làm rơi vỉ trứng, nhưng may quá con còn giữ được nửa vỉ ở đây”. Nó thấy vui vì ít ra vẫn còn giữ được một nửa số trứng. Thông thường, chúng ta hay gọi đây là đứa bé lạc quan.

Ở một câu chuyện khác nữa, và một bà mẹ khác nữa, bà cũng đưa cho con trai ba mươi nghìn đồng để đi mua trứng gà. Và trùng hợp thay, đứa bé này cũng đánh rơi vỉ trứng y như hai thằng bé kia. Nhưng đứa bé này không phải là đứa bé bi quan, cũng không phải là đứa bé lạc quan, nó là một đứa bé theo trường phái Tâm lý học tích cực. Vì thế, nó nói rằng: “Mẹ ơi, con đã đánh

rơi vỉ trứng, đã vỡ hết một nửa số trứng, nhưng may quá vẫn còn nguyên một nửa còn lại”. Sau đó, nó tích cực nhặt ve chai, tích góp giấy báo cũ để kiếm tiền, mua bù cho số trứng đã vỡ. Vì bé là một đứa bé TLHTC, nên bé không những lạc quan, mà còn rất thực tế.

Nhà tâm lý học người Mỹ Martin Seligman, cha đẻ của TLHTC, sau một thời gian dài nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực tâm lý, ông bắt đầu cảm thấy không ổn vì cái nhìn hẹp của tâm lý học. Chủ yếu các nghiên cứu lúc bấy giờ tập trung vào các chấn thương tinh thần, sự đau khổ, tâm bệnh học, khủng hoảng... và ít ai quan tâm đến các khía cạnh như hạnh phúc, sự an lạc, thể mạnh cá nhân hay sự thăng hoa của tinh thần. Ông nhận thấy rằng, cần phải có một cái gì đó khác, lạc quan hơn, nhưng cũng phải thực tế. Thay vì chỉ nhìn vào những mất mát của cuộc sống, chúng ta có thể nhìn vào những gì cuộc sống đang cho chúng ta, và tích cực phát triển từng cá nhân, các nhóm cộng đồng để vượt qua đau khổ và vươn tới hạnh phúc.

Năm 1998, ông được bầu làm chủ tịch của Hiệp Hội Tâm Lý Học Hoa Kỳ. Năm lấy cơ hội này, ông bắt đầu giới thiệu một phân nhánh mới của Tâm Lý Học đến với giới học thuật và quảng đại quần chúng: Tâm Lý Học Tích Cực. Năm 2000, bài báo khoa học đầu tiên về Tâm Lý Học Tích Cực được xuất bản dưới cái tên của Martin Seligman và Mihaly Csikszentmihalyi (cha đẻ của

CỰC TẠI VIỆT NAM. Psychology

Nguồn: Cánh Diều

khái niệm FLOW – “dòng chảy”), khởi đầu cho sự phát triển và thăng hoa của TLHTC đến tận bây giờ.

Vậy Cánh Diều là ai, họ có liên quan gì đến TLHTC?

Bởi quá yêu mến hình ảnh Cánh Diều bay phấp phới trong chiều gió trên những triền đê của cánh đồng Bắc bộ nên chúng tôi đã chọn lựa hình ảnh rất Việt Nam này để đại diện cho 1 dự án với mục đích mang những kiến thức hữu ích của Tâm lý học tích cực, Giáo dục tích cực và những ảnh hưởng thực tiễn của nó đối với mọi mặt của cuộc sống đến với bạn đọc tại dải đất chữ S.

Những “cánh diều nhỏ” của chúng tôi đang bay trong những cơn gió từ mọi nơi trên địa cầu này từ xứ sở sương mù nước Anh, kinh đô ánh sáng Paris hay đất nước của những chú chuột túi - Australia, vùng đất của Kinh kịch và đồ Gốm sứ - Trung Hoa và mảnh đất Việt nam thân thương. Chúng tôi là những nhà nghiên cứu Tâm lý học, giảng viên Đại học, giáo viên Anh ngữ, bác sĩ Nhi, những bà nội trợ đảm đang cho tới người làm nhân sự, du lịch....Sự đa dạng trong ngành nghề mang tới cho những buổi họp mặt online hàng tuần rất nhiều cái nhìn đa sắc màu về việc ứng dụng Tâm lý học tích cực cũng như phản biện nó trong thực tiễn nghề nghiệp, cuộc sống.

Dự án Cánh Diều ra đời vào 1 ngày Thu năm 2016 khi ngoài ban công bầu chim nhỏ đang hót vang trong cánh rừng đằng sau khu kí túc xá. Mục đích ban đầu của Cánh Diều là dịch những cuốn sách và các bài báo khoa học đã công bố về Tâm lý học tích cực để làm tài liệu phục vụ mục đích cá nhân của các thành viên. Chúng tôi đã dịch hoàn thiện 3 cuốn sách bao gồm: Sổ tay Tâm lý học tích cực - NXB Đại học Oxford; Sổ tay can thiệp Tâm lý học tích cực và Can thiệp TLHTC trong trường học - NXB Wiley-Blackwell, hiện tại đang kết nối với các NXB tại Việt Nam để đưa đến với các độc giả.

Hiện tại Dự án của Cánh Diều đã mở rộng thêm sau hơn 1 năm, chúng tôi có Fanpage Tâm lý học tích cực:

<https://www.facebook.com/positivepsychology-invietnam/>

và website:

<https://canhdieuproject.wordpress.com>

thường xuyên đưa lên những bài dịch, bài viết dưới dạng khoa học thường thức dễ hiểu và dễ áp dụng trong thực tiễn đời sống cho bạn đọc tham khảo.

Cánh Diều mong muốn điều gì nơi dự án này?

Trong Tâm lý học tích cực có 1 can thiệp rất nổi tiếng tên là: Can thiệp ba điều tốt (Seligman, Steen, Park, & Peterson, 2005), nội dung của can thiệp này như sau: Người tham gia can thiệp Ba Điều Tốt được yêu cầu viết ra ba sự kiện tích cực đã xảy ra với họ trong từng ngày và giải thích tại sao những chuyện tốt đó lại đến. Trong một thực nghiệm can thiệp đa văn hoá (Chan, 2010) những giáo viên tình nguyện tại Trung Quốc đã dành ra 8 tuần để tham gia một dự án có tên là “Ba điều tốt” nhằm đánh giá vai trò của lòng biết ơn đối với hạnh phúc chủ quan; sự an lạc và ý nghĩa cuộc sống. Mỗi tuần những giáo viên tham gia sẽ ghi lại 3 điều tốt đã xảy ra và thực hiện liên tục trong 8 tuần. Sau đó các giáo viên này sẽ được hướng dẫn để duy trì về

“Ba điều tốt” dựa trên các câu hỏi thiền Naikan. Các câu hỏi được đặt ra bao gồm:

Tôi đã nhận được những gì?

Tôi đã cho đi những gì?

Tôi có thể làm được gì hơn nữa?

Kết quả, sau 8 tuần các giáo viên đã có sẵn thái độ biết ơn cao hơn (Dựa vào bài kiểm tra ban đầu) đã báo cáo rằng họ cảm thấy biết ơn nhiều hơn, giảm thiểu sự căng thẳng và cảm thấy cuộc đời có ý nghĩa hơn. Can thiệp Ba Điều Tốt cũng đã được thực hiện với mẫu nghiên cứu người lớn (Anselmo, 2010), thiếu niên (McCabe-Fitch, 2009), và nhân viên công sở (Carlton, 2009). Những phát hiện khuyến cáo rằng chỉ cần bỏ ra một tuần liệt kê và cân nhắc đến ba điều tốt xảy ra mỗi ngày, ta sẽ tăng sự tận hưởng với những sự kiện tích cực và cảm thấy hạnh phúc hơn, cả trong thời gian dài (ví dụ: sáu tháng sau can thiệp; Anselmo, 2010; Seligman và cộng sự, 2005) lẫn thời gian ngắn (ví dụ: một tháng sau can thiệp; Carlton, 2009).

Cánh Diều trong những ngày đầu tiên làm việc đã cùng nhau thực hiện can thiệp này, và cho tới bây giờ sau hành trình dài hơn 1 năm chúng tôi vẫn tiếp tục hàng ngày thực hiện “Ba điều tốt” cho bản thân mình, đồng nghiệp, học sinh, bạn đời và thu lại những kết quả tốt đẹp, khả quan cho bản thân. Chúng tôi chính là muốn lan toả những kiến thức thực chứng, các Can thiệp dựa trên bằng chứng và cả kinh nghiệm cá nhân sau khi ứng dụng TLHTC vào cuộc sống và công việc tới với thật nhiều người Việt nam. Có một câu nói rằng “Nếu bạn muốn cuộc sống này trở nên tươi đẹp, hãy làm 1 điều tốt” và dự án Cánh Diều của chúng tôi chính là muốn góp thêm những điều tốt, nhân văn như vậy để cùng với các bạn ươm những hạt giống tốt lành để mong chờ 1 ngày những lối về của chúng ta sẽ ngập tràn hoa cỏ.

Chúng tôi mong bạn Hạnh phúc!

Chúng tôi mong bạn An lạc !

Chúng tôi gửi tới bạn sự Chánh niệm và Tận hưởng trong Dòng chảy của cuộc sống chất chứa Lòng biết ơn này!





NGUYỄN THỊ LIỄU - NHÀ GIÁO DỤC CỦA SỰ ĐỔI MỚI

Phạm Phước Hiền

Trong một buổi chiều nọ, nhận được tin nhắn của đồng chí Chủ bút Đức Hoàng, người mà hay trêu chúng tôi và kêu là “cụ”, “giáo sư” đặt hàng một bài viết về một nhân vật, người chị, người đồng nghiệp cũ, người rất nổi tiếng trong giới giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt trong nhóm giáo viên sáng tạo của chúng tôi – Chị Nguyễn Thị Liễu, người nhận lãnh rất nhiều những vinh dự, những lời khen từ bạn bè, đồng nghiệp và kể cả những lãnh đạo cấp cao của Chính phủ, của khối Giáo dục Microsoft.

Nói thật lòng, lúc đó Tôi còn nghĩ thật là khó để làm sao có thể liên lạc phỏng vấn Chị vì ngoài một lượng công việc nhiều như thế với tư cách cụm trưởng quản lý chương trình của Bộ Giáo dục – Đào tạo hệ thống trường quốc tế Việt Úc thì Chị còn nổi tiếng với vai trò “Nội tướng” trong gia đình, người mà lũ chúng tôi thường xuýt xoa khen rằng, nếu đời đặt mình như chị thì không biết chúng tôi có thể trụ nổi với nghề không nữa?

Trên quan điểm người viết, tôi sẽ cố gắng không đề cập đến những biến cố hay nỗi buồn của chị mà chỉ đề cập đến những cống hiến âm thầm lặng lẽ của chị cho giáo dục Thành phố trong thời kì cách mạng công nghệ 4.0.

Tôi biết chị trong một dịp tập huấn công nghệ thông tin của Sở giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh do cô Tô Thụy Diễm Quyên chủ trì, ấn tượng đầu tiên của Chị trong mắt Tôi là một người phụ nữ hiền hậu, nhẹ nhàng và rất chân tình đúng chất người miền Tây Nam Bộ. Qua lời giới thiệu của Chị Quyên, tôi đi từ bàng hoàng này đến sửng sốt khác. Suy nghĩ cuối cùng trong Tôi về chị đó là sự ngưỡng mộ, khâm phục từ tận đáy lòng.

Với 19 năm làm trong ngành, chị đi từ vai trò của một người giáo viên dạy tiếng Anh rồi sau đó chị đảm nhiệm vai trò Phó hiệu trưởng ở hai ngôi trường công lập tại quận 1 trong hơn 14 năm – những tưởng như bao cá nhân khác, có lẽ mọi người sẽ yên vị và tiếp tục gắn bó với hệ

thống nhà nước nhưng không, chị đã phải bật khóc trước mọi người khi phải quyết định rời bỏ hệ thống công lập chuyển sang hệ thống trường quốc tế. Tuy nhiên, tất cả đồng nghiệp, người thân và bạn bè đều hiểu rằng chị đã phải rất day dứt khi xin nghỉ đồng thời mọi người đều ủng hộ, hiểu rằng chị đang nỗ lực hết mình để vượt qua những bất hạnh cuộc đời, để được tiếp tục cống hiến hết mình cho cái nghề mình đang đeo.

Năm 2014, chị tham gia cuộc thi “Giáo viên sáng tạo trên nền tảng công nghệ thông tin” do Bộ GD-ĐT tổ chức. Cùng một thầy giáo khác, chị giành giải Nhất của cuộc thi. Thời điểm ấy, thành tích này với chị không chỉ là một phần thưởng, một điểm sáng của sự nghiệp giảng dạy, mà nó thực sự như một nguồn động lực để chị thấy “cuộc đời vẫn còn mỉm cười với mình”.

Năm 2015, chị cùng 2 giáo viên khác được Microsoft Việt Nam chọn tham dự Diễn đàn giáo dục toàn cầu tại Mỹ. Tại đây, chị được trải nghiệm những ứng dụng công nghệ mới dành cho giáo dục, đồng thời tham gia cùng nhóm của mình – là những thầy cô giáo tới từ các quốc gia khác nhau – thiết kế một dự án theo đề tài được đưa ra. Nhóm của chị đạt giải Nhất cho phần thuyết trình dự án.

Đến năm 2017, chị lại được Microsoft mời tham dự diễn đàn được tổ chức tại Canada với vai trò là “Fellow” (chuyên gia giáo dục cấp cao) của Việt Nam, làm nhiệm vụ hỗ trợ cho các đồng nghiệp trong diễn đàn.

Ngoài nhiệm vụ này, chị được phân công làm giám khảo cho các phần thi tại diễn đàn. Trong phần thi dành cho các “Fellow”, chị đạt giải thuyết trình xuất sắc nhất nhờ phần chia sẻ đầy cảm xúc về những khó khăn của bản thân khi ứng dụng công nghệ ở môi trường giáo dục công lập, về việc chị và các đồng nghiệp đã vượt lên những khó khăn như thế nào, đưa ra những đổi

mới gì để phù hợp với môi trường và học sinh Việt Nam.

Cô giáo nhỏ bé người Việt cũng được chọn là một trong 4 cá nhân xuất sắc nhất. “*Mình là người được xướng tên đầu tiên. Cảm xúc đó không bao giờ quên được*” – chị chia sẻ.

Nói về sự đổi mới trong giáo dục, chị cho rằng “tư duy của lãnh đạo” rất quan trọng. “*Cần phải thay đổi tư duy của người lãnh đạo. Khi lãnh đạo quyết tâm đổi mới, họ sẽ dẫn dắt giáo viên đổi mới. Chúng ta hãy làm ngay những thứ mà các nước họ đang làm, chứ đừng để đến khi họ qua cái khác rồi thì mình mới bắt đầu làm. Học sinh sẽ là người thiệt thòi nhất*” – chị chia sẻ.

“Cuộc đời thử thách tôi”

“Chị không ước mơ đi làm giàu. Hoàn cảnh của chị nhiều đồng nghiệp, những người quen biết chị đều hiểu” – chị chùng giọng tâm sự.

Sau khi sinh cô con gái đầu lòng vào năm 2000, trong 9 năm sau đó, chị Liễu trải qua nhiều cuộc điều trị vô sinh và từng một lần thất bại khi làm thụ tinh ống nghiệm. Chị từng nghĩ mình không còn cơ hội nào nữa. Rồi bất ngờ chị lại nhận được món quà mà ông Trời ban tặng. Nhưng khi nụ cười chưa kịp tắt, khi thai nhi được 6 tháng, chị nhận tin sét đánh con bị giãn não thất, nếu giãn nhiều sẽ dẫn đến bệnh não úng thủy.

Chị Liễu nói rằng mình đã sống một quãng thời gian đầy nước mắt. Qua tìm hiểu thông tin, chị quyết định giữ lại đứa bé với hi vọng có thể chữa được nếu điều trị sớm. Suốt một thời gian dài, gia đình chị đã coi bệnh viện là nhà, cùng trải qua những trận chiến giành giật lại mạng sống của con từ tay tử thần. Những mũi tiêm, những đợt điều trị khiến con đau đớn như xát muối vào lòng người mẹ.



cũng đắn đo, suy nghĩ rất nhiều. Chuyển sang môi trường tư thực, chị vẫn có thể làm nghề yêu thích và có thu nhập để lo cho gia đình, chứ không phải ước mơ đi làm giàu” – chị chia sẻ.

“Biến cố ập đến, lúc đầu chị suy sụp, có những khi cảm thấy sao cuộc đời mình lại bất hạnh thế. Đồng nghiệp, bạn bè từ khắp mọi miền, trên những diễn đàn mà chị tham gia, dù chưa hề gặp mặt, đã nhắn tin động viên, kêu gọi ủng hộ, cử người đến thăm gia đình.

Thậm chí, cả những giáo viên người nước ngoài biết chị qua diễn đàn cũng nhắn tin hỏi thăm. Có quá nhiều người vẫn quan tâm, chị cảm thấy như mình đang sống lại. Chị nghĩ phải làm sao để đừng phụ sự quan tâm của mọi người”.

“Khi đạt được thành tích trong cuộc thi “Giáo viên sáng tạo trên nền tảng CNTT” năm 2014, chị thấy cuộc sống vẫn còn mỉm cười với mình. Những lúc bắt tay vào làm việc, nghiên cứu những đổi mới, chị tạm quên đi những gì bất hạnh, đau khổ và cảm thấy mình nên làm như thế” - người phụ nữ kiên cường này bày tỏ.

“Trong suốt 8 năm qua, gia đình cố tìm cả đông tây y để điều trị vấn đề vận động của con. Gia đình chỉ mong sao con có thể ngồi được, có thể nói được và nếu được nữa thì con có thể làm được những việc cá nhân, vì cha mẹ đâu thể sống đời bên con” – chị kể.

Cuộc đời tiếp tục thử thách khi năm 2012, một biến cố khác lại ập đến: chồng chị phát hiện bị ung thư trực tràng. Trải qua một ca phẫu thuật và 8 đợt hóa trị, hiện tại sức khỏe của anh đã ổn. Tuy nhiên, mầm mống tiềm tàng của căn bệnh thì không thể nói trước, tùy thuộc vào sức đề kháng của cơ thể.

“Hiện ông xã chỉ làm những việc nhẹ nhàng ở nhà. Vì căn bệnh này mà năm 2016, chồng chị giải thể công ty. Bây giờ, chị là trụ cột chính trong nhà. Vì thế mà chị phải có đường hướng khác để có thêm thu nhập lo cho gia đình. Chị

Trong lúc này, tôi chợt nghĩ tới 8 chữ vàng của Bác Hồ dành cho người phụ nữ Việt Nam **“Anh hùng, trung hậu, bất khuất, đảm đang”**, hơn ai hết, Tôi tin rằng với tất cả những người quen biết Chị đều tin tưởng rằng 8 chữ vàng đó là dành cho Chị - người Chị, nhà giáo kính mến trong lòng chúng tôi.

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Nguyễn Minh Thành | Viện KHGD - ĐHSP Quý Châu

Nguyễn Thị Hải Diệu | Wise Consulting Finland

Hoàng Giang Quỳnh Anh | Học viện Agile

Nguyễn An Quyên | IvyPrep Education

Ứng Minh Tuấn | THCS Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội

Trần Trung Hà | ĐH Melbourne

Ngô Thành Nam | Nguyễn Hoàng Education

Phạm Phước Hiền | VinSchool Central Park

Khách mời

Phan Thị Thanh Lương

Logo | **Hà Dũng Hiệp**

Chế bản | **Quách Anh**

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



“Học để Dạy, và Dạy để Học